

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

Số: **1091**/UBND-TH

V/v báo cáo kết quả thực hiện
chủ trương, chính sách, pháp luật
kinh tế, tài chính gắn với mục tiêu
tăng trưởng kinh tế “2 con số”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đồng Tháp, ngày **17** tháng **4** năm 2026

Kính gửi: - Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy;
- Sở, ban, ngành tỉnh (có danh sách kèm theo).

Thực hiện Kế hoạch số 61/KH-UBKTTC16 ngày 15/4/2026 của Ủy ban Kinh tế và Tài chính của Quốc hội về khảo sát, đánh giá việc triển khai thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực kinh tế, tài chính gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng “2 con số”, kết hợp giám sát các dự án quan trọng quốc gia trong lĩnh vực giao thông; Công văn số 60/UBKTTC16 ngày 15/4/2026 của Ủy ban Kinh tế và Tài chính về việc báo cáo kết quả thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật kinh tế, tài chính gắn với mục tiêu tăng trưởng hai con số, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo như sau:

1. Đề nghị Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy phối hợp báo cáo triển khai thực hiện Nghị quyết đại hội XIV của Đảng, Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV và các Nghị quyết của Quốc hội gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng 2 con số, cụ thể nội dung về thống nhất tư duy, nhận thức, khát vọng và hành động tại mục 2.1, phần I, Đề cương kèm theo, gửi về UBND tỉnh **trước ngày 21 tháng 4 năm 2026**.

2. Giao các Sở, ban, ngành tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực được phân công phối hợp báo cáo phục vụ Đoàn công tác của Thường trực Ủy ban Kinh tế và Tài chính, gửi về Sở Tài chính **trước ngày 21 tháng 4 năm 2026** để tổng hợp. Đề nghị báo cáo theo Đề cương, mẫu biểu kèm theo Công văn này.

3. Giao Sở Tài chính chủ trì tổng hợp, xây dựng dự thảo Báo cáo của UBND tỉnh theo yêu cầu của Thường trực Ủy ban Kinh tế và Tài chính, trình UBND tỉnh **trước ngày 23 tháng 4 năm 2026**.

Đính kèm:

- Kế hoạch số 61/KH-UBKTTC16 ngày 15/4/2026 và Công văn số 60/UBKTTC16 ngày 15/4/2026 của Ủy ban Kinh tế và Tài chính

- Đề cương và 03 mẫu biểu báo cáo kèm theo././K.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- VPUBND tỉnh: CVP, các PCVP, các phòng, ban, đơn vị trực thuộc VP(p/h thực hiện);
- Lưu: VT, TH_(nmthu).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Dũng



DANH SÁCH CƠ QUAN, ĐƠN VỊ NHẬN VĂN BẢN

STT	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG
	CƠ QUAN TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG ĐÓNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
1.	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh khu vực 13
2.	Bảo hiểm xã hội tỉnh
3.	Thống kê tỉnh
4.	Thuế tỉnh
5.	Chi cục Hải quan khu vực XX
*	CƠ QUAN CHUYÊN MÔN TRỰC THUỘC UBND TỈNH
6.	Sở Tài chính
7.	Sở Công Thương
8.	Sở Nông nghiệp và Môi trường
9.	Sở Nội vụ
10.	Sở Xây dựng
11.	Sở Y tế
12.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
13.	Sở Giáo dục và Đào tạo
14.	Sở Khoa học và Công nghệ
15.	Sở Tư pháp
16.	Thanh tra tỉnh
17.	Ban Quản lý Khu kinh tế
18.	Ban Quản lý dự án tỉnh
19.	Ban Quản lý dự án ĐTXD công trình Giao thông
20.	Ban Quản lý dự án ĐTXD công trình Dân dụng và Công nghiệp
21.	Ban Quản lý dự án ĐTXD công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

ĐỀ CƯƠNG

Báo cáo về việc triển khai thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực kinh tế, tài chính gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng 2 con số
(Đính kèm theo Công văn số 1090/UBND-TH ngày 17 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Phần thứ nhất TÌNH HÌNH THỰC HIỆN

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIV CỦA ĐẢNG, KẾT LUẬN SỐ 18-KL/TW NGÀY 02/4/2026 CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA XIV VÀ CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI GẮN VỚI THỰC HIỆN MỤC TIÊU PHẤN ĐẤU TĂNG TRƯỞNG 2 CON SỐ

1. Tình hình thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu

1.1. Tình hình thực hiện các mục tiêu

1.2. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu

- Đề nghị đánh giá từng mục tiêu theo mức độ hoàn thành, có so sánh với kế hoạch đề ra và so sánh với cùng kỳ. Làm rõ mức độ đóng góp của từng chỉ tiêu vào mục tiêu tăng trưởng kinh tế (trực tiếp và gián tiếp)¹.

- Báo cáo tiến độ thực hiện các chỉ tiêu tại Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 của UBND tỉnh theo mẫu tại Phụ lục I.

2. Tình hình thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

2.1. Thống nhất tư duy, nhận thức, khát vọng và hành động

- Đề nghị Ban Tuyên giáo và Dân vận Đảng ủy Tỉnh ủy phối hợp cung nội dung này.

- Sở, ban, ngành tỉnh báo cáo.

Đánh giá được mức độ chuyển biến trong nhận thức và hành động (có dẫn chứng cụ thể) như: hội nghị quán triệt, tỷ lệ tham gia, chuyển biến cụ thể.

2.2. Tập trung hoàn thiện thể chế phát triển đồng bộ, hiện đại, cạnh tranh để tạo đột phá tăng trưởng

- Đề nghị báo cáo cụ thể các cơ chế, chính sách đã ban hành hoặc tham mưu ban hành; kết quả triển khai, hiệu quả thực hiện; nội dung tháo gỡ điểm nghẽn thể chế; đánh giá tác động đến tăng trưởng kinh tế; khó khăn, vướng mắc và kiến nghị.

¹ Đối với các chỉ tiêu có thể lượng hóa (như GRDP, sản xuất, đầu tư, xuất khẩu...), đề nghị làm rõ mức độ đóng góp vào tăng trưởng kinh tế. Đối với các chỉ tiêu không lượng hóa được, đề nghị đánh giá tác động theo hướng định tính, có dẫn chứng cụ thể; không yêu cầu tính toán mức độ đóng góp bằng số liệu.

- Báo cáo tiến độ thực hiện nhiệm vụ cụ thể để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế (kế hoạch, chương trình, đề án) theo mẫu tại Phụ lục II.

2.3. Chuyển đổi mô hình tăng trưởng; đẩy mạnh cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực; phát triển các khu vực doanh nghiệp, các mô hình kinh tế mới

Đề nghị phân tích báo cáo rõ ngành nào tăng/giảm? Mô hình mới là gì? Tác động GRDP năm 2026 và dự báo tác động đến tăng trưởng của giai đoạn?

2.4. Thúc đẩy tăng trưởng gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn, chống khủng hoảng kinh tế; khơi thông và đa dạng hoá các chuỗi cung ứng, kênh dẫn vốn

Đề nghị làm rõ các yếu tố ảnh hưởng đến các cân đối lớn của tỉnh, gồm: nguồn cung nguyên liệu, an ninh lương thực; thu - chi NSNN; tín dụng, lãi suất, tiếp cận vốn, dòng chảy vốn trong kinh tế; giải ngân vốn đầu tư công; cung - cầu hàng hóa; hoạt động doanh nghiệp; lao động; giá cả, chi phí đầu vào; thị trường, xuất khẩu; lưu thông hàng hóa; thị trường bất động sản, vật liệu xây dựng, phát triển đô thị. Trên cơ sở đó, báo cáo tình hình triển khai và kết quả bước đầu trong điều hành, tháo gỡ điểm nghẽn.

Đánh giá tác động đến tăng trưởng: nêu rõ thuận lợi, rủi ro và mức độ ảnh hưởng (trực tiếp và gián tiếp).

2.5. Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; thúc đẩy đô thị hoá và phát triển đô thị, liên kết vùng

Đề nghị Làm rõ tiến độ hoàn thiện hạ tầng về giao thông, đô thị, khu/cụm CN, logistics, năng lượng, hạ tầng số. Khối lượng thực hiện và tỷ lệ giải ngân dự án trọng điểm; đô thị hóa (quy hoạch, mở rộng đô thị, đô thị thông minh); liên kết vùng (kết nối hạ tầng, phối hợp vùng, hành lang kinh tế); nguồn lực về NSNN, xã hội hóa, PPP; tác động tăng trưởng: tạo động lực lan tỏa; thu hút đầu tư; phát triển doanh nghiệp.

Đánh giá tác động đến tăng trưởng: nêu rõ thuận lợi, rủi ro và mức độ ảnh hưởng (trực tiếp và gián tiếp).

* Với các nhiệm vụ nêu trên, đề nghị đánh giá tác động, hiệu quả liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội, tăng trưởng kinh tế 2 con số

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 68-NQ/TW VÀ NGHỊ QUYẾT SỐ 198/2025/QH15

1. Tình hình thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu

Đề nghị cung cấp thông tin về doanh nghiệp tư nhân: số lượng, quy mô, số doanh nghiệp đang hoạt động, số doanh nghiệp kinh doanh có lãi; đóng góp trong cơ cấu xuất khẩu, việc làm, thu ngân sách, GRDP của tỉnh Đồng Tháp.

2. Tình hình thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

Đề nghị cung cấp thông tin về các giải pháp mà tỉnh Đồng Tháp đã triển khai và kết quả đạt được:

2.1. Về môi trường đầu tư kinh doanh

Trong đó, đề nghị cung cấp thông tin về việc cải cách thủ tục hành chính, xóa bỏ rào cản gia nhập thị trường.

2.2. Về tiếp cận nguồn lực đất đai

Hỗ trợ tiếp cận đất đai; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về đất đai cho các dự án, doanh nghiệp; hỗ trợ cho thuê nhà, đất là tài sản công.

2.3. Về tiếp cận nguồn vốn

2.4. Về thúc đẩy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số

2.5. Về tăng cường kết nối giữa các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp tư nhân với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp FDI

2.6. Về phát triển các doanh nghiệp lớn và vừa; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ và hộ kinh doanh

Đề nghị nêu rõ nội dung về việc thực hiện chính sách thuế và các hoạt động quản lý nhà nước khác đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG LĨNH VỰC KINH TẾ, TÀI CHÍNH KHI THỰC HIỆN TỔ CHỨC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 02 CẤP

Đề nghị cung cấp thông tin về tình hình thực hiện phân cấp, phân quyền, bảo đảm nguồn lực, nhân sự thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo từng lĩnh vực:

1. Về quản lý quy hoạch

2. Về quản lý tài chính, ngân sách địa phương

Trong đó, về ngân sách nhà nước, đề nghị đánh giá về:

(1) Việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp chính quyền; cơ chế điều tiết, bổ sung cân đối ngân sách các cấp;

(2) Công tác lập, chấp hành và quyết toán ngân sách trong mô hình chính quyền địa phương 02 cấp;

(3) Đổi mới trong quản lý, điều hành ngân sách (ứng dụng công nghệ thông tin, công khai, minh bạch...);

(4) Tình hình triển khai thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2026.

3. Về đầu tư công, quản lý tài sản công

3.1. Về đầu tư công, đề nghị đánh giá về:

(1) Việc phân cấp thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư;

(2) Công tác lập, phân bổ, tổ chức thực hiện, giải ngân vốn đầu tư công trong mô hình chính quyền địa phương 02 cấp;

(3) Việc triển khai xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030;

(4) Tình hình triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2026;

3.2. Về quản lý tài sản công, đề nghị cung cấp thông tin về:

(1) Tình hình ban hành văn bản của tỉnh về quản lý, sử dụng tài sản công do thực hiện chủ trương sắp xếp, tinh gọn bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính.

(2) Báo cáo tổng hợp về tài sản công đến trước thời điểm 01/7/2025 về số lượng, giá trị, tình trạng sử dụng và cấp quản lý.

(3) Tình hình xử lý, điều chuyển, thanh lý tài sản công (bao gồm trụ sở làm việc, đất đai, công trình, phương tiện vận tải, trang thiết bị...) đến ngày 31/3/2026.

(4) Đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản sau sắp xếp về chi phí - lợi ích, hiệu quả sử dụng tài sản và rủi ro phát sinh.

4. Về quản lý đất đai

5. Về quản lý đầu tư, xây dựng, doanh nghiệp, hộ kinh doanh

Phần thứ hai

KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ NGUYÊN NHÂN

I. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC

Yêu cầu chung: Nêu cụ thể, có dẫn chứng, gắn với đầu việc, mỗi nội dung làm rõ: (i) vướng ở đâu; (ii) mô tả cụ thể; (iii) ảnh hưởng đến tiến độ/tăng trưởng; (iv) đã xử lý đến đâu.

1. Khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, Kết luận số 18-KL/TW và các nghị quyết của Quốc hội gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng 2 con số

(Thể chế, định hướng; phân cấp, phối hợp; nguồn lực; dữ liệu, chỉ tiêu; tổ chức thực hiện; đánh giá tác động ảnh hưởng chỉ tiêu GRDP, dự án trọng điểm, chuỗi giá trị).

2. Khó khăn, vướng mắc trong thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật về phát triển kinh tế tư nhân

(Gia nhập/hoạt động thị trường; tiếp cận vốn; đất đai - mặt bằng; Chuỗi cung ứng - thị trường; đầu vào; đầu ra; liên kết; đổi mới sáng tạo; môi trường kinh doanh; thanh tra - kiểm tra; đánh giá tác động làm giảm mở rộng SXKD,

chậm đầu tư, giảm đóng góp tăng trưởng).

3. Khó khăn, vướng mắc trong thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật về đổi mới phương thức quản lý nhà nước trong lĩnh vực kinh tế, tài chính khi thực hiện tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp

(Phân cấp, thẩm quyền; quy trình, thủ tục hành chính; nhân lực; hệ thống thông tin; công tác hội họp dọc, ngang giữa tỉnh - xã/phường - sở, ngành; chế độ, định mức).

Tác động: làm chậm xử lý hồ sơ, ảnh hưởng hiệu quả điều hành kinh tế – tài chính.

** Đối với những khó khăn, vướng mắc do quy định pháp luật, đề cung cấp thông tin cụ thể tại Phụ lục III kèm theo.*

II. NGUYÊN NHÂN

1. Nguyên nhân chủ quan (thuộc trách nhiệm của cơ quan, đơn vị trong tổ chức thực hiện)

- Phân công báo cáo: Sở, ban, ngành tỉnh cung cấp nội dung theo lĩnh vực.

- Gợi ý báo cáo:

+ Nguyên nhân do công tác lãnh đạo, chỉ đạo *(nếu có thì nêu rõ chậm, chưa quyết liệt, thiếu trọng tâm ở khâu nào, dự án nào, lĩnh vực nào)*; tổ chức thực hiện *(nếu có phối hợp chưa chặt; quy trình nội bộ còn bất cập thì cụ thể lĩnh vực nào, quy trình nào)*; năng lực, nhân lực *(nếu có thì thiếu/yếu chuyên môn ở công tác, bộ phận, ngành nào)*; phân công chưa phù hợp *(nếu có thì nêu cụ thể lĩnh vực hay công tác nào chưa phù hợp)*; tham mưu *(nếu có chưa kịp thời; đề xuất chưa sát thực tiễn thì nêu cụ thể trong công tác, lĩnh vực nào hay công việc nào)*; Kỷ luật, tiến độ *(nếu có thì nêu cụ thể chậm trễ; đơn đốc chưa thường xuyên cụ thể nhiệm vụ, dự án, lĩnh vực nào)*; Dữ liệu, thông tin *(nếu có thì thiếu đồng bộ; báo cáo chưa chuẩn hóa ở lĩnh vực nào)*.

+ Đánh giá giá mức độ tác động của các nguyên nhân này đối với tăng trưởng kinh tế.

2. Nguyên nhân khách quan (không thuộc phạm vi chủ động của tỉnh Đồng Tháp)

- Đề nghị phân biệt rõ nguyên nhân khách quan do quy định pháp luật với nguyên nhân khách quan do bối cảnh, tình hình khi tổ chức thực hiện.

- Gợi ý hướng báo cáo:

+ Do quy định pháp luật: Chồng chéo, chưa thống nhất giữa các luật, nghị định, thông tư *(nếu có thì cụ thể ở văn bản nào)*; thiếu/ chậm hướng dẫn *(nếu có thì cụ thể ở lĩnh vực nào)*; quy định chưa phù hợp thực tiễn *(nếu có thì cụ thể quy định nào)*; hạn chế về phân cấp, thẩm quyền *(nếu có cụ thể ở nhiệm vụ nào)*; định

mức, tiêu chí bất cập (nếu có thì cụ thể ở nội dung nào).

+ Do bối cảnh, tình hình thực tế: Biến động thị trường, giá cả, đơn hàng, xuất khẩu (nếu có thì diễn biến và tác động ra sao, tác động nhiều ở ngành, lĩnh vực nào, ảnh hưởng đến tăng trưởng ra sao); khó khăn nguồn lực về vốn, vật liệu, quỹ đất, lao động (nếu có thì mô tả sự ảnh hưởng và ảnh hưởng ngành nào nhiều nhất, mức độ ra sao); điều kiện tự nhiên, dịch bệnh, thiên tai (nếu có thì mô tả cụ thể, ảnh hưởng ngành, lĩnh vực nào và đánh giá mức độ ảnh hưởng); yêu cầu mới khi triển khai mô hình chính quyền 02 cấp (nếu có thì chưa ổn định cụ thể ở khâu nào, lĩnh vực nào, bộ phận nào cụ thể).

Phần thứ ba **ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

Đề nghị các sở, ban, ngành nêu kiến nghị cụ thể, rõ nội dung, rõ cơ quan có thẩm quyền, rõ mục tiêu xử lý; mỗi kiến nghị cần xác định: vấn đề/vướng mắc; nguyên nhân; đề xuất giải pháp cụ thể và dữ liệu kết quả tác động về tăng trưởng kinh tế của tỉnh nếu được chấp thuận theo kiến nghị.

I. ĐỐI VỚI BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG, BỘ CHÍNH TRỊ, BAN BÍ THƯ

- Kiến nghị về chủ trương, định hướng lớn, cơ chế đặc thù, phân cấp - phân quyền.

- Đề xuất điều chỉnh, bổ sung định hướng chính sách vĩ mô phù hợp thực tiễn của tỉnh Đồng Tháp.

II. ĐỐI VỚI QUỐC HỘI, ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI; HỘI ĐỒNG DÂN TỘC, CÁC ỦY BAN CỦA QUỐC HỘI

- Kiến nghị sửa đổi, bổ sung luật, nghị quyết còn chồng chéo, bất cập.

- Đề xuất cơ chế, chính sách trong luật để tháo gỡ điểm nghẽn về đầu tư, ngân sách, đất đai, tổ chức bộ máy...

III. ĐỐI VỚI CHÍNH PHỦ, CÁC BỘ, NGÀNH

- Kiến nghị ban hành, sửa đổi, hướng dẫn thực hiện văn bản dưới luật (nghị định, thông tư...).

- Đề xuất tháo gỡ khó khăn trong tổ chức thực hiện, cơ chế điều hành, phân bổ nguồn lực, bố trí vốn, tiêu chí, định mức...

- Kiến nghị xử lý các vấn đề vượt thẩm quyền của địa phương.

Lưu ý: Kiến nghị phải gắn với nội dung báo cáo, có căn cứ thực tiễn, khả thi và phục vụ trực tiếp mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, tăng trưởng của tỉnh.

Phụ lục I
CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
(Kèm theo Đề cương)

BIỂU A: MẪU BÁO CÁO TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN 28 CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2021-2025	Thực hiện năm 2026				Kế hoạch 2030	Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030	Cơ quan báo cáo
				Kế hoạch 2026	Giá trị thực hiện (quý I hoặc số liệu tính đến thời điểm báo cáo)	So với Kế hoạch năm 2026	So với cùng kỳ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	KINH TẾ									
1	Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân (theo giá so sánh năm 2010)	%	5,41	8-8,5				10,21	≥ 9,0	Sở Tài chính, Thống kê tỉnh (b/c)
2	GRDP bình quân đầu người (theo giá hiện hành)	Triệu đồng	84	93,5-94				154	150 - 154	Sở Tài chính, Thống kê tỉnh (b/c)
		USD	3.186	3.787				5.640	5.499-5.640	Sở Tài chính, Thống kê

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2021-2025	Thực hiện năm 2026				Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030	Cơ quan báo cáo	
				Kế hoạch 2026	Giá trị thực hiện (quý I hoặc số liệu tính đến thời điểm báo cáo)	Số với Kế hoạch năm 2026	Số với cùng kỳ			Kế hoạch 2030
1	2	3	4	5	6	7	8	10	11	
3	Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo/GRDP	%	21,68	> 21				25	Sở Công Thương, Thống kê tỉnh (b/c)	
4	Tỷ trọng kinh tế số/GRDP	%	5,97	*				≥ 30	Sở Khoa học và Công nghệ	
5	Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế	%	55,16	53,6				58,1	Sở Khoa học và Công nghệ	
6	Tốc độ tăng năng suất lao động (giá so sánh) đạt bình quân	%/năm	5,7	7,3				8	Sở Tài chính, Thống kê tỉnh (b/c)	
7	Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội giai đoạn 2026 -	Tỷ	344.109	93,3-94,5				187.772	702.668	Sở Tài chính,

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2021-2025	Thực hiện năm 2026				Kế hoạch 2030	Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030	Cơ quan báo cáo
				Kế hoạch 2026	Giá trị thực hiện (quý I hoặc số liệu tính đến thời điểm báo cáo)	Số với Kế hoạch năm 2026	Số với cùng kỳ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	2030	đồng								Thống kê tỉnh (b/c)
	Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội bình quân so với GRDP	%	29,09	30,6				35,0	33	Sở Tài chính, Thống kê tỉnh (b/c)
	Trong đó, tỷ lệ vốn đầu tư công trong tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội	%	17,5	11,4				12,3	14,8	Sở Tài chính, Thống kê tỉnh (b/c)
8	Kim ngạch xuất khẩu đến năm 2030	Tỷ USD	9,2	10				14,8	14,8	Sở Công Thương
9	Thu ngân sách									
9.1	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn so với GRDP	%	11,9	7,29				6,67	6,95	Sở Tài chính
9.2	Tốc độ tăng thu ngân sách nhà nước bình quân	%/năm	7	11				10	10	Sở Tài chính
10	Tổng số khách du lịch quốc tế đến tỉnh trong giai đoạn	Nghìn lượt	1.944	870				1.790	6.000	Sở Văn hóa Thể

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2021-2025	Thực hiện năm 2026				Kế hoạch 2030	Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030	Cơ quan báo cáo
				Kế hoạch 2026	Giá trị thực hiện (quý I hoặc số liệu tính đến thời điểm báo cáo)	So với Kế hoạch năm 2026	So với cùng kỳ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	2026-2030									thao và Du lịch
11	Tỷ lệ đô thị hóa	%	31,86						34	Sở Xây dựng
12	Số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới trong giai đoạn	Doanh nghiệp	8.370	3.000				6.200	22.500	Sở Tài chính
	Tổng số doanh nghiệp/1.000 dân	Doanh nghiệp	4	4				10	10	Sở Tài chính
II	XÃ HỘI (đến năm 2030)									
13	Chỉ số phát triển con người (HDI)		-						> 0,7	Thống kê tỉnh (b/c)
14	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh	Tuổi	75,85	75,87				76,21	76,21	Thống kê tỉnh (b/c)
15	Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội	%	35	< 33				< 20	< 20	Sở Nội vụ, Thống kê tỉnh (báo cáo)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2021-2025	Thực hiện năm 2026				Kế hoạch 2030	Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030	Cơ quan báo cáo
				Kế hoạch 2026	Giá trị thực hiện (quý I hoặc số liệu tính đến thời điểm báo cáo)	So với Kế hoạch năm 2026	So với cùng kỳ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
16	Số lao động được tạo việc làm	Lao động	275.283	50.000				50.000	250.000	Sở Nội vụ
17	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	72	74,2				≥82,5	≥ 82,5	Sở Nội vụ
	Trong đó, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	%	36,5	38,2				≥43,5	≥ 43,5	
18	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều	%	0,7	0,56 ⁽¹⁾				0	Không còn	Sở Nông nghiệp và Môi trường
19	Tình hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030.		*	*				Hoàn thành	Hoàn thành	Sở Nông nghiệp và Môi trường
20	Y tế									Sở Y tế

¹ Tỷ lệ giảm so năm 2025 là 0,12% (theo Quyết định số 177/QĐ-UBND của UBND tỉnh ngày 20/1/2026)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2021-2025	Thực hiện năm 2026				Kế hoạch 2030	Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030	Cơ quan báo cáo
				Kế hoạch 2026	Giá trị thực hiện (quý I hoặc số liệu tính đến thời điểm báo cáo)	So với Kế hoạch năm 2026	So với cùng kỳ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Số bác sĩ/10.000 dân	Bác sĩ	9,13	9,2				11	≥ 11	
	Số giường bệnh/10.000 dân	Giường bệnh	28	28,6				32	≥ 32	
	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng theo cân nặng	%	8,19	<8,1				≤ 7,98	≤ 7,98	
	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	95	96				100	100	Sở Y tế, Bảo hiểm Xã hội tỉnh (phối hợp thực hiện; báo cáo)
	Tỷ lệ người dân được hưởng chính sách khám sức khỏe	%	(*)	(*)				100	100	UBND xã/phườn g thực

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2021-2025	Thực hiện năm 2026				Kế hoạch 2030	Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030	Cơ quan báo cáo
				Kế hoạch 2026	Giá trị thực hiện (quý) I hoặc số liệu tính đến thời điểm báo cáo)	Số với Kế hoạch năm 2026	Số với cùng kỳ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
21	Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động tham gia BHXH	%	29,52	31				35	≥ 35	hiện chỉ tiêu ² , Sở Y tế phối hợp chuyên môn, tổng hợp b/c chỉ tiêu
21.1	Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc	%	25,7	27				30	≥ 30	Sở Nội vụ, Bảo hiểm Xã hội tỉnh (phối hợp thực hiện; báo cáo)

² Căn cứ điểm e Khoản 2 Điều 4 của Thông tư 43/2025/TT-BYT ngày 15/11/2025 của Bộ Y tế quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Trạm y tế xã/ phường như sau: e) Khám sức khỏe hàng năm, khám sàng lọc bệnh, tật cho nhân dân trên địa bàn khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật; thực hiện sơ tuyến sức khỏe nghĩa vụ quân sự và tham gia khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an nhân dân theo quy định của pháp luật.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2021-2025	Thực hiện năm 2026				Kế hoạch 2030	Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030	Cơ quan báo cáo
				Kế hoạch 2026	Giá trị thực hiện (quý I hoặc số liệu tính đến thời điểm báo cáo)	So với Kế hoạch năm 2026	So với cùng kỳ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	- Tiểu học		76,6	80				100,0	100	
	- Trung học cơ sở		73,2	78,0				100,0	100	
	- Trung học phổ thông		80,0	85,0				100,0	100	
23	Số nhà ở xã hội	Căn nhà		2.000				2.600	12.200	Sở Xây dựng
III	MÔI TRƯỜNG (đến năm 2030)									
24	Tỷ lệ che phủ rừng duy trì ở mức	%	1,23	1,22				1,2	1,2	Sở Nông nghiệp và Môi trường
25	Tỷ lệ cư dân nông thôn sử dụng nước sạch theo Quy chuẩn chất lượng nước sinh hoạt đến năm 2030	%	97,52	98,1				99	> 99	Sở Nông nghiệp và Môi trường

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2021-2025	Thực hiện năm 2026				Kế hoạch 2030	Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030	Cơ quan báo cáo
				Kế hoạch 2026	Giá trị thực hiện (quý I hoặc số liệu tính đến thời điểm báo cáo)	So với Kế hoạch năm 2026	So với cùng kỳ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
26	Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom, xử lý bảo đảm quy chuẩn đến năm 2030	%	97,15	97,6				>99	> 99	Sở Nông nghiệp và Môi trường
27	Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh đạt quy chuẩn môi trường đến năm 2030	%	100	100				100	100	Sở Nông nghiệp và Môi trường
28	Tỷ lệ khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100	100				100	100	Ban Quản lý Khu kinh tế

BIỂU B: TIẾN ĐỘ CHỈ TIÊU KHUNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 05 NĂM (2026 - 2030)

STT	Chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Thực hiện 2021-2025	Thực hiện năm 2026			So với cùng kỳ	Kế hoạch 2030	Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030	Cơ quan báo cáo
				Kế hoạch 2026	Giá trị thực hiện (tính đến thời điểm báo cáo)	So với kế hoạch				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	TỔNG SẢN PHẨM NỘI TỈNH (GRDP)									
1	Giá trị GRDP (giá hiện hành)	Tỷ đồng	286.053	318.350				536.491	536.491	Sở Tài chính, Thống kê tỉnh (báo cáo)
	- Nông - lâm - thủy sản	Tỷ đồng	98.978	105.511				142.705	142.705	Sở Nông nghiệp và Môi trường
	- Công nghiệp - xây dựng	Tỷ đồng	72.891	85.559				177.683	177.683	
	. Công nghiệp	Tỷ đồng	60.289	70.199				143.247	143.247	Sở Công Thương
	. Xây dựng	Tỷ đồng	12.602	15.360				34.436	34.435	Sở Xây dựng
	- Dịch vụ	Tỷ đồng	98.520	110.203				188.278	188.278	Sở Công Thương
	- Thuế sản phẩm	Tỷ đồng	15.664	17.078				27.825	27.825	

STT	Chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Thực hiện 2021-2025	Thực hiện năm 2026			So với cùng kỳ	Kế hoạch 2030	Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030	Cơ quan báo cáo
				Kế hoạch 2026	Giá trị thực hiện (tính đến thời điểm báo cáo)	So với kế hoạch				
1	2	3	4	5	6	7	8	10	11	Sở Tài chính, Thống kê tỉnh (báo cáo)
2	Cơ cấu GRDP (giá hiện hành)	%	100	100				100,00		Sở Nông nghiệp và Môi trường
	- Nông - lâm - thủy sản	%	34,6	33,14				26,60		
	- Công nghiệp - xây dựng	%	25,48	26,88				33,12		
	. Công nghiệp	%	21,08	22,05				26,70		Sở Công Thương
	. Xây dựng	%	4,41	4,82				6,42		Sở Xây dựng
	- Dịch vụ	%	34,44	34,62				35,09		Sở Công Thương
	- Thuế sản phẩm	%	5,48	5,36				5,19		
3	Tốc độ tăng trưởng GRDP (giá 2010)	%	5,41	8-8,5				10,21	9,00	Sở Tài chính, Thống kê tỉnh (báo cáo)

STT	Chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Thực hiện 2021-2025	Thực hiện năm 2026				So với cùng kỳ	Kế hoạch 2030	Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030	Cơ quan báo cáo
				Kế hoạch 2026	Giá trị thực hiện (tính đến thời điểm báo cáo)	So với kế hoạch	So với cùng kỳ				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
	- Nông - lâm - thủy sản	%	3,66	4				> 3,5	> 3,50	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
	- Công nghiệp - xây dựng	%	7,05	13,2				17,19	14,80		
	. Công nghiệp	%	6,63	12,5				14,5	14,50	Sở Công Thương	
	. Xây dựng	%	9,1	16,3				29,95	16,30	Sở Xây dựng	
	- Dịch vụ	%	6,45	8,08				9,11	8,90	Sở Công Thương	
	- Thuế sản phẩm	%	2,84	5,5				6,2	6,20		
4	Giá trị GRDP (giá 2010)	Tỷ đồng	147.216	158.993				227.540	227.540	Sở Tài chính, Thống kê tỉnh (báo cáo)	
	- Nông - lâm - thủy sản	Tỷ đồng	49.011	50.972				57.325	57.325	Sở Nông nghiệp và Môi trường	

STT	Chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Thực hiện 2021-2025	Thực hiện năm 2026				So với cùng kỳ	Kế hoạch 2030	Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030	Cơ quan báo cáo
				Kế hoạch 2026	Giá trị thực hiện (tính đến thời điểm báo cáo)	So với kế hoạch	So với cùng kỳ				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
1	Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn (không bao gồm bổ sung từ ngân sách Trung ương)	Tỷ đồng	96.793	23.776				35.775	146.932	Sở Tài chính, Thuế tỉnh (phối hợp thực hiện, báo cáo)	
	Trong đó:										
	- Thu nội địa	Tỷ đồng	93.082	23.230				34.105	142.432		
	Trong đó:										
	Thu từ tiền sử dụng đất	Tỷ đồng	10.738	2.400				3.500	14.915		
	Thu từ xổ số kiến thiết	Tỷ đồng	18.637	4.635				4.965	24.000		
	Thu ngân sách địa phương hưởng từ các khoản theo phân chia	Tỷ đồng	48.167	12.847				20.564	82.504		
	Tỷ lệ thu nội địa/tổng thu ngân sách nhà nước	%	96,17	97,69				95,33	96,94		
	- Thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất nhập khẩu	Tỷ đồng	3.711	550				1.170	4.000		

STT	Chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Thực hiện 2021-2025	Thực hiện năm 2026				So với cùng kỳ	Kế hoạch 2030	Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030	Cơ quan báo cáo
				Kế hoạch 2026	Giá trị thực hiện (tính đến thời điểm báo cáo)	So với kế hoạch	So với cùng kỳ				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
2	Tổng chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	210.624	40.134				62.285	266.239	Sở Tài chính	
	Tổng chi cân đối ngân sách địa phương	Tỷ đồng	168.190	36.198				57.285	243.904		
	Trong đó:										
	- Chi đầu tư phát triển do địa phương quản lý	Tỷ đồng	63.277	10.678				23.262	95.812		
	+ Tỷ lệ chi đầu tư phát triển do địa phương quản lý trong tổng chi ngân sách	%	30,04	26,61				37,35	35,99		
	- Chi thường xuyên (bao gồm chi cải cách tiền lương và tinh giản biên chế)	Tỷ đồng	98.282	24.659				28.079	131.444		
3	Ngân hàng									Ngân hàng NNVN chi nhánh khu vực 13	
	Nguồn vốn huy động	Tỷ đồng	202.252	Từ 226.522-230.567				Từ 356.437-389.419	356.437-389.419		
	+ Tốc độ tăng trưởng bình quân của huy động vốn	%/năm	10,79						Khoảng 12 – 14%		

STT	Chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Thực hiện 2021-2025	Thực hiện năm 2026				Số với cùng kỳ	Kế hoạch 2030	Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030	Cơ quan báo cáo
				Kế hoạch 2026	Giá trị thực hiện (tính đến thời điểm báo cáo)	Số với kế hoạch	Số với cùng kỳ				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
2	Tổng chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	210.624	40.134				62.285	266.239	Sở Tài chính	
	Tổng chi cân đối ngân sách địa phương	Tỷ đồng	168.190	36.198				57.285	243.904		
	Trong đó:										
	- Chi đầu tư phát triển do địa phương quản lý	Tỷ đồng	63.277	10.678				23.262	95.812		
	+ Tỷ lệ chi đầu tư phát triển do địa phương quản lý trong tổng chi ngân sách	%	30,04	26,61				37,35	35,99		
	- Chi thường xuyên (bao gồm chi cải cách tiền lương và tinh giản biên chế)	Tỷ đồng	98.282	24.659				28.079	131.444		
3	Ngân hàng									Ngân hàng NNVN chi nhánh khu vực 13	
	Nguồn vốn huy động	Tỷ đồng	202.252	Từ 226.522-230.567				Từ 356.437-389.419	356.437-389.419		
	+ Tốc độ tăng trưởng bình quân của huy động vốn	%/năm	10,79						Khoảng 12 - 14%		

STT	Chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Thực hiện 2021-2025	Thực hiện năm 2026				Số với cùng kỳ	Kế hoạch 2030	Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030	Cơ quan báo cáo
				Kế hoạch 2026	Giá trị thực hiện (tính đến thời điểm báo cáo)	Số với kế hoạch	Số với cùng kỳ				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
	- Tổng kế hoạch vốn đã phân khai (tính đến cuối kỳ báo cáo)	Tỷ đồng	60.130	11.461				23.182	104.189		
	- Giá trị giải ngân	Tỷ đồng	59.867	11.461				23.182	104.189		
	- Tỷ lệ giải ngân	%	100	100				100	100		
IV	DOANH NGHIỆP, HỢP TÁC XÃ										
1	Doanh nghiệp									Sở Tài chính	
	- Số doanh nghiệp thành lập mới	Doanh nghiệp	8.370	3.000				6.200	22.500		
	- Tổng vốn đăng ký của doanh nghiệp thành lập mới	Tỷ đồng	58.355	21.000				58.500	165.750		
	- Tổng số lao động đăng ký	Người	77.989	36.000				104.000	331.000		
	- Doanh nghiệp tạm ngưng hoạt động	Doanh nghiệp	909	2.382				490	2.450		
	- Doanh nghiệp giải thể	Doanh nghiệp	410	2.166				350	1.750		

STT	Chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Thực hiện 2021-2025	Thực hiện năm 2026				Số với cùng kỳ	Kế hoạch 2030	Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030	Cơ quan báo cáo
				Kế hoạch 2026	Giá trị thực hiện (tính đến thời điểm báo cáo)	Số với kế hoạch	Số với cùng kỳ				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
	- Số dự án có chủ trương, cấp GCNDKĐT (kể cả các dự án đầu giá quyền sử dụng đất)	Dự án	192	52				60	280		
	- Số dự án FDI	Dự án	46	13				22	87		
4	Về đầu tư trực tiếp nước ngoài còn hiệu lực lũy kế đến cuối kỳ báo cáo	Dự án	188	201				275	275	Sở Tài chính	
V	SẢN XUẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN										
1	Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản (giá so sánh 2010)	Tỷ đồng	110.513	116.831				135.910	135.910	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
	- Giá trị sản xuất ngành nông nghiệp	Tỷ đồng	83.329	87.957				97.979	97.979		
	TD: Ngành hàng lúa gạo	Tỷ đồng	38.067	22.155				22.077	22.077		
	Ngành hàng hoa kiểng	Tỷ đồng	4.596	5.176				7.226	7.226		
	Ngành hàng sen	Tỷ đồng	36	39				41	41		

STT	Chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Thực hiện 2021-2025	Thực hiện năm 2026			So với cùng kỳ	Kế hoạch 2030	Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030	Cơ quan báo cáo
				Kế hoạch 2026	Giá trị thực hiện (tính đến thời điểm báo cáo)	So với kế hoạch				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Cây lâu năm (các loại cây ăn trái và CLN khác)	Tỷ đồng	25.248	27.353				31.801	31.801	
	- Giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp	Tỷ đồng	570	570				570	570	
	- Giá trị sản xuất ngành thủy sản	Tỷ đồng	26.615	28.304				37.361	37.361	
2	Sản phẩm trồng trọt chủ yếu									Sở Nông nghiệp và Môi trường
a)	Lúa cả năm	Ha	611.653	603.210				583.901	583.901	
	Năng suất	Tạ/ha	67,09	67,73				67,03	67	
	Sản lượng	Nghìn tấn	4.104	4.086				3.914	3.914	
b)	Ngô	Ha	7.100	7.350				7.855	7.855	
	Năng suất	Tạ/ha	70	71				74	74	
	Sản lượng	Nghìn tấn	50	52				58	58	

STT	Chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Thực hiện 2021-2025	Thực hiện năm 2026				Số với cùng kỳ	Kế hoạch 2030	Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030	Cơ quan báo cáo
				Kế hoạch 2026	Giá trị thực hiện (tính đến thời điểm báo cáo)	Số với kế hoạch	Số với cùng kỳ				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
c)	Hoa kiếng	Ha	4.651	5.446				5.886	5.886		
d)	Sen	Ha	1.051	1.805				1.970	1.970		
đ)	Một số cây lâu năm	Ha	162.341	163.000				169.405	169.405		
	- Cam, chanh, quýt, bưởi	Ha	14.301	14.305				13.050	13.050		
	Sản lượng	Nghìn tấn	283	301				307	307		
	- Nhãn	Ha	5.941	5.555				5.498	5.498		
	Sản lượng	Nghìn tấn	81	79				86	86		
	- Xoài	Ha	16.707	16.945				16.049	16.049		
	Sản lượng	Nghìn tấn	224	230				243	243		
	- Sầu riêng	Ha	32.100	34.361				38.290	38.290		
	Sản lượng	Nghìn tấn	550	548				697	697		

STT	Chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Thực hiện 2021-2025	Thực hiện năm 2026				So với cùng kỳ	Kế hoạch 2030	Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030	Cơ quan báo cáo
				Kế hoạch 2026	Giá trị thực hiện (tính đến thời điểm báo cáo)	So với kế hoạch	So với cùng kỳ				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
	- Mít	Ha	25.685	26.465				27.623	27.623		
	Sản lượng	Nghìn tấn	448	462				584	584		
	- Thanh long	Ha	8.502	8.500				7.965	7.965		
	Sản lượng	Nghìn tấn	301	302				284	284		
	- Khóm	Ha	14.741	14.820				16.814	16.814		
	Sản lượng	Nghìn tấn	270	284				305	305		
	- Măng cầu	Ha	495	500				326	326		
	Sản lượng	Nghìn tấn	3,93	3,68				2,75	2,75		
	- Sapo	Ha	2.297	2.300				1.744	1.744		
	Sản lượng	Nghìn tấn	59,93	54,47				44,62	44,62		
	- Cây ăn trái còn lại	Ha	14.133	11.320				14.784	14.784		

STT	Chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Thực hiện 2021-2025	Thực hiện năm 2026				Số với cùng kỳ	Kế hoạch 2030	Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030	Cơ quan báo cáo
				Kế hoạch 2026	Giá trị thực hiện (tính đến thời điểm báo cáo)	Số với kế hoạch	Số với cùng kỳ				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
	Sản lượng	Nghìn tấn	285	268				326	326		
	- Dừa	Ha	24.764	25.012				25.861	25.861		
	Sản lượng	Nghìn tấn	442	422				491	491		
	Cây lâu năm khác (cây khác)	Ha	515	758				100	100		
3	Sản phẩm chăn nuôi chủ yếu									Sở Nông nghiệp và Môi trường	
a)	Tổng số đàn chăn nuôi tính đến thời điểm báo cáo										
	- Đàn trâu	Con	3.087	3.479				3.338	3.338		
	- Đàn bò	Con	152.250	175.073				196.155	196.155		
	- Đàn heo	Con	506.070	499.529				567.021	567.021		
	- Đàn gia cầm	1.000 con	24.593	26.704				28.895	28.895		

STT	Chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Thực hiện 2021-2025	Thực hiện năm 2026			So với cùng kỳ	Kế hoạch 2030	Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030	Cơ quan báo cáo
				Kế hoạch 2026	Giá trị thực hiện (tính đến thời điểm báo cáo)	So với kế hoạch				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Trong đó, tổng đàn vịt lity kế	1.000 con	5.520	7.388				8.387	8.387	
b)	Sản lượng một số sản phẩm chăn nuôi chủ yếu	Tấn		237.757				295.094	295.094	
	- Thịt trâu hơi	Tấn	457	450				483	483	
	- Thịt bò hơi	Tấn	21.903	21.776				27.032	27.032	
	- Thịt heo hơi	Tấn	146.512	148.470				187.169	187.169	
	- Thịt gia cầm hơi	Tấn	66.400	64.812				77.575	77.575	
	Trong đó: . Vịt	Tấn	16.759	17.537				21.666	21.666	
	. Gà	Tấn	48.856	47.275				55.909	55.909	
4	Lâm nghiệp									Sở Nông nghiệp và Môi trường
	Diện tích rừng trồng mới tập trung	Ha	183	106				100	548,41	

STT	Chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Thực hiện 2021-2025	Thực hiện năm 2026				So với cùng kỳ	Kế hoạch 2030	Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030	Cơ quan báo cáo
				Kế hoạch 2026	Giá trị thực hiện (tính đến thời điểm báo cáo)	So với kế hoạch	So với cùng kỳ				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
	Tỷ lệ che phủ rừng	%	1,23	1,22				1,20	1,20		
5	Thủy sản									Sở Nông nghiệp và Môi trường	
	- Tổng sản lượng thủy sản	Nghìn tấn	1.069	1.134				1.409	1.409		
	+ Sản lượng khai thác thủy sản	Nghìn tấn	132	134				126	126		
	+ Sản lượng thủy sản nuôi trồng	Nghìn tấn	937	1.000				1.283	1.283		
	. Cá tra	Nghìn tấn	685	628				846	846		
	- Nuôi tôm	Nghìn tấn	38	24				27	27		
	- Nuôi thê	Nghìn tấn	27	24				26	26		
6	Số sản phẩm OCOP từ 3 sao trở lên (số lũy kế)	Sản phẩm	1.061	939				1.139	1.139	Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với Sở	

STT	Chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Thực hiện 2021-2025	Thực hiện năm 2026				Số với cùng kỳ	Kế hoạch 2030	Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030	Cơ quan báo cáo
				Kế hoạch 2026	Giá trị thực hiện (tính đến thời điểm báo cáo)	Số với kế hoạch	Số với cùng kỳ				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
	- Cát khai thác	1000 m ³	7.000	7.800				11.000	11.000		
	- Thủy sản chế biến	Nghìn Tấn	645	725,6				1.200	1.200		
	- Gạo xay sát, lau bóng	Nghìn tấn	2.260	2.431				5.800	5.800		
	- Miến, hủ tiếu, bánh tráng và các loại tương tự	Tấn	61.000	72.410				52.000	52.000		
	- Thức ăn gia súc, thủy sản	Nghìn tấn	3.850	3.800				7.200	7.200		
	- Thuốc lá điếu có đầu lọc	Nghìn gói	90.000	106.000				178.000	178.000		
	- Sản phẩm may	Nghìn cái	38.500	79.600				92.000	92.000		
	- Thuốc viên các loại	Triệu viên	2.000	2.250				3.750	3.750		
	- Các bộ phận của dây dẹp bằng da, tấm lót bên trong có thể tháo rời...	Nghìn đôi	39.600	57.500				78.200	78.200		
	- Bia	Nghìn lít	284.200	350.000				597.500	597.500		
	- Mùng xuất khẩu	Nghìn cái	16.100	22.500				25.000	25.000		

STT	Chi tiêu chủ yếu	ĐVT	Thực hiện 2021-2025	Thực hiện năm 2026			So với cùng kỳ	Kế hoạch 2030	Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030	Cơ quan báo cáo
				Kế hoạch 2026	Giá trị thực hiện (tính đến thời điểm báo cáo)	So với kế hoạch				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	- Túi xách	Nghìn cái	10.000	9.167				18.800	18.800	
	- Bao và túi từ plastic	Nghìn cái	154.328	207.115				122.500	122.500	
	- Ống đồng	Tấn	165.000	175.500				310.500	310.500	
3	Phát triển khu - cụm công nghiệp									Sở Công Thương, Ban Quản lý Khu kinh tế
a)	Khu công nghiệp									Ban Quản lý Khu Kinh tế
	Số Khu công nghiệp được thành lập	Khu	9	12				16	16	
	Số Khu công nghiệp đi vào hoạt động	Khu	6	7				16	16	
	Tỷ lệ lấp đầy bình quân của Khu công nghiệp đang hoạt động (tính đến cuối kỳ báo cáo)	%	93,93	65,78				88	88	
	Số dự án đang hoạt động	Dự án	179	190				244	244	

STT	Chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Thực hiện 2021-2025	Thực hiện năm 2026				So với cùng kỳ	Kế hoạch 2030	Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030	Cơ quan báo cáo
				Kế hoạch 2026	Giá trị thực hiện (tính đến thời điểm báo cáo)	So với kế hoạch	Số với cùng kỳ				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
	+ Tỷ lệ lấp đầy	%						85	85		
b)	Cụm Công nghiệp									Sở Công Thương	
	Số Cụm công nghiệp được thành lập	Cụm	2	1				2	8		
	Lũy kế đến kỳ báo cáo	Cụm	23	24				31	31		
	Tổng số CCN đưa vào hoạt động (**)	Cụm	17	19				29	29		
	Tỷ lệ lấp đầy bình quân của Cụm công nghiệp đang hoạt động (tính đến cuối kỳ báo cáo)	%	77,52	75				62	62		
	Số dự án đang hoạt động	Dự án	126	140				190	190		
	+ TD: dự án FDI	Dự án	11	13				25	25		
	* Lộ trình thực hiện thành lập và tiến độ lấp đầy từng CCN (08 CCN dự kiến)			1				2	8		
	* Dự kiến khả năng đạt tỷ lệ lấp đầy	%		0				66,45	62		

STT	Chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Thực hiện 2021-2025	Thực hiện năm 2026				Số với cùng kỳ	Kế hoạch 2030	Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030	Cơ quan báo cáo
				Kế hoạch 2026	Giá trị thực hiện (tính đến thời điểm báo cáo)	Số với kế hoạch	Số với cùng kỳ				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
	(1) Thành lập mới: CCN Mỹ Phước 1 hoặc các CCN có đủ điều kiện theo quy định			Thành lập 01 cụm				-			
	<i>Dự kiến khả năng đạt tỷ lệ lấp đầy</i>	%		0				100			
	(2) Thành lập mới CCN Tân Thạnh hoặc các CCN có đủ điều kiện theo quy định										
	<i>Dự kiến khả năng đạt tỷ lệ lấp đầy</i>	%						100			
	(3) Thành lập mới CCN Mỹ Lợi, CCN Long Bình hoặc các CCN có đủ điều kiện theo quy định										
	<i>Dự kiến khả năng đạt tỷ lệ lấp đầy</i>							100			
	(4) Thành lập mới CCN Phú Tân, CCN Vĩnh Hựu hoặc các CCN có đủ điều kiện theo quy định										
	<i>Dự kiến khả năng đạt tỷ lệ lấp đầy</i>							100			
	(5) Thành lập mới CCN Mỹ Phước 2, CCN Mỹ Phước 3							0			
								Thành lập 02			

STT	Chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Thực hiện 2021-2025	Thực hiện năm 2026				So với cùng kỳ	Kế hoạch 2030	Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030	Cơ quan báo cáo
				Kế hoạch 2026	Giá trị thực hiện (tính đến thời điểm báo cáo)	So với kế hoạch	So với cùng kỳ				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
1	Thương mại									Sở Công Thương	
	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (theo giá hiện hành)	Tỷ đồng	255.000	290.400				493.680	≥ 493.680		
	Tốc độ tăng trưởng	%	11,7	13,9				13,3	≥ 14		
	- Bán lẻ hàng hóa	Tỷ đồng	199.500	227.000				383.000	≥ 383.000		
	- Dịch vụ lưu trú, ăn uống	Tỷ đồng	32.790	37.500				62.000	≥ 62.000		
	- Du lịch lữ hành	Tỷ đồng	350	400				680	≥ 680		
	- Dịch vụ khác	Tỷ đồng	22.360	25.500				48.000	≥ 48.000		
2	Xuất, nhập khẩu									Sở Công Thương phối hợp Chi cục Hải quan khu vực XX	
a)	Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa	Triệu USD	9.208	10.000				14.800	14.800		

STT	Chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Thực hiện 2021-2025	Thực hiện năm 2026				Số với cùng kỳ	Kế hoạch 2030	Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030	Cơ quan báo cáo
				Kế hoạch 2026	Giá trị thực hiện (tính đến thời điểm báo cáo)	Số với kế hoạch	5				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
	Tỷ lệ tăng trưởng	Triệu USD	16,78	8,6				24,06	10,0		
	- Kim loại thường khác và sản phẩm (kể cả đồng)	Triệu USD	1.550	1.550				1.650	1.650		
	- Gạo	Triệu USD	1.232	1.180				1.400	1.400		
	- Thủy sản chế biến	Triệu USD	1.000	1.200				1.200	1.200		
	- Sản phẩm từ chất dẻo	Triệu USD	759	850				780	780		
	- Sản phẩm ngành may	Triệu USD	980	1.000				1.250	1.250		
	- Giày dép	Triệu USD	930	1.020				1.000	1.000		
	- Sắt thép và sản phẩm từ sắt thép	Triệu USD	500	450				660	660		
	- Xơ, sợi dệt các loại	Triệu USD	110	120				150	150		
	- Túi xách, ví, vali, mũ và ô dù	Triệu USD	200	200				230	230		
	- Hàng Rau quả	Triệu USD	200	320				170	170		
	- Bánh phòng tôm, bánh kẹo, ngũ cốc	Triệu USD	74	110				110	110		

STT	Chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Thực hiện 2021-2025	Thực hiện năm 2026				So với cùng kỳ	Kế hoạch 2030	Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030	Cơ quan báo cáo
				Kế hoạch 2026	Giá trị thực hiện (tính đến thời điểm báo cáo)	So với kế hoạch	So với cùng kỳ				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
	- Hàng hoá khác	Triệu USD	1.530	2.000				6.200	6.200		
	<i>Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu</i>										
	- Thủy sản chế biến	Nghìn tấn	434	440				480	480		
	- Gạo	Nghìn tấn	1.838	2.300				2.400	2.400		
	- Bánh phòng tôm, bánh kẹo, ngũ cốc	Tấn	37.467	40.000				42.000	42.000		
	- Hàng Rau quả	Tấn	58.000	60.000				85.000	85.000		
b)	Kim ngạch nhập khẩu	Triệu USD	4.756	5.000				6.200	6.200		
	Tỷ lệ tăng trưởng	%	17,59	4				6,9	5,45		
	<i>Các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu</i>										
	- Xăng dầu	Triệu USD	383	375				430	430		
	- Nguyên liệu sản xuất tân được	Triệu USD	44	47				65	65		
	- Nguyên phụ liệu dệt may, da giày, túi xách	Triệu USD	778	690				890	890		

STT	Chi tiêu chủ yếu	ĐVT	Thực hiện 2021-2025	Thực hiện năm 2026			So với cùng kỳ	Kế hoạch 2030	Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030	Cơ quan báo cáo
				Kế hoạch 2026	Giá trị thực hiện (tính đến thời điểm báo cáo)	So với kế hoạch				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	- Kim loại thường khác (nguyên liệu đồng)	Triệu USD	1.300,00	1.470				1.450	1.450	
	- Sắt thép các loại	Triệu USD	550	380				610	610	
	- Chất dẻo nguyên liệu	Triệu USD	150	295				180	180	
	- Mặt hàng khác	Triệu USD	1.395,00	1.790				2.575	2.575	
c)	Xuất nhập khẩu biên mậu	Triệu USD	1.200	1.320				1.933	1.933	
	Tốc độ tăng trưởng	%	42,55	10				10	10	
	- Xuất khẩu biên mậu	Triệu USD	120	132				193,26	193	
	- Nhập khẩu biên mậu	Triệu USD	1080	1188				1739,35	1.739	
3	Du lịch									Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
	- Số lượt khách du lịch	Nghìn lượt	25.099	8.000				12.300	50.000	

STT	Chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Thực hiện 2021-2025	Thực hiện năm 2026				Số với cùng kỳ	Kế hoạch 2030	Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030	Cơ quan báo cáo
				Kế hoạch 2026	Giá trị thực hiện (tính đến thời điểm báo cáo)	Số với kế hoạch	Số với cùng kỳ				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
	- Tổng thu ngành du lịch	Tỷ đồng	13.367	4.800				10.000	35.500		
VIII	VĂN HOÁ - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG										
1	Dân số trung bình đến năm 2030	Nghìn người	3.403,78	3.419				3.481	3.481	Thống kê tỉnh (báo cáo)	
	Trong đó, tỷ lệ dân số thành thị	%	23,76	24,1				24,3	24,1		
	Mật độ dân số	Người/km ²	573	574				579	579		
2	Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên	Nghìn người	2.014	2.026				2.071	2.071	Sở Nội vụ, Thống kê tỉnh (báo cáo)	
3	Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc so với tổng dân số	%	58	57,89				59,12	59,12	Sở Nội vụ, Thống kê tỉnh (báo cáo)	
4	Số lao động có việc làm trên địa bàn tỉnh	Người	1.960	1.974				2.031	2.031	Sở Nội vụ, Thống kê tỉnh (báo cáo)	

STT	Chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Thực hiện 2021-2025	Thực hiện năm 2026				So với cùng kỳ	Kế hoạch 2030	Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030	Cơ quan báo cáo
				Kế hoạch 2026	Giá trị thực hiện (tính đến thời điểm báo cáo)	So với kế hoạch	So với cùng kỳ				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
	- Nông - lâm - thủy sản	Người	609	598				555	555		
	- Công nghiệp - xây dựng	Người	601	613				659	659		
	- Thương mại - dịch vụ	Người	750	764				817	817		
5	Cơ cấu lao động có việc làm trên địa bàn tỉnh	%								Sở Nội vụ, Thống kê tỉnh (báo cáo)	
	- Nông - lâm - thủy sản	%	31,05	30,27				27,34	27,34		
	- Công nghiệp - xây dựng	%	30,66	31,04				32,43	32,43		
	- Thương mại - dịch vụ	%	38,29	38,69				40,23	40,23		
6	Số lao động được giải quyết việc làm	Người	275.283	50.000				50.000	250.000	Sở Nội vụ, Thống kê tỉnh (báo cáo)	
	. TD, Số lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài trong năm theo hợp đồng	Người	11.722	2.200				2.200	11.000		

STT	Chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Thực hiện 2021-2025	Thực hiện năm 2026				So với cùng kỳ	Kế hoạch 2030	Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030	Cơ quan báo cáo
				Kế hoạch 2026	Giá trị thực hiện (tính đến thời điểm báo cáo)	So với kế hoạch	So với cùng kỳ				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
7	Năng suất lao động									Sở Tài chính, Thống kê tỉnh (báo cáo)	
	Năng suất lao động theo giá so sánh	Triệu đồng/la o động	75,12	81,0				112,0	112		
8	Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động tham gia BHXH	%	29,52	31				35	≥ 35	Sở Nội vụ, Bảo hiểm xã hội tỉnh (phối hợp thực hiện, báo cáo)	
	- Tỷ lệ đối tượng tham gia BHXH bắt buộc so với lực lượng lao động trong độ tuổi	%	25,7	27				30	≥ 30		
	- Tỷ lệ đối tượng tham gia BHXH tự nguyện so với lực lượng lao động trong độ tuổi	%	3,8	4				5	≥ 5		
9	Tỷ lệ đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp so với lực lượng lao động trong độ tuổi	%	23,45	24,78				27,91	27,91	Sở Nội vụ, Bảo hiểm xã hội tỉnh (phối hợp)	

STT	Chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Thực hiện 2021-2025	Thực hiện năm 2026				Số với cùng kỳ	Kế hoạch 2030	Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030	Cơ quan báo cáo
				Kế hoạch 2026	Giá trị thực hiện (tính đến thời điểm báo cáo)	Số với kế hoạch	Số với cùng kỳ				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
	- Mầm non	%	98,0	98,0				100,0	98,0		
	- Tiểu học	%	90,0	92,0				100,0	95,0		
	- Trung học cơ sở	%	98,0	98,2				100,0	96,0		
	- Trung học phổ thông	%	100,0	100,0				100,0	98,0		
c)	Số học sinh phổ thông bình quân một lớp										
	- Tiểu học	Học sinh	30,0	31,0				32	34,0		
	- Trung học cơ sở	Học sinh	35,0	36,0				40	40,0		
	- Trung học phổ thông	Học sinh	40,0	41,0				42	42,0		
d)	Tỷ lệ Giáo viên/lớp									Sở GD&ĐT	
	- Tiểu học	GV/Lớp	1,45	1,5				1,5	1,5		
	- Trung học cơ sở	GV/Lớp	1,86	1,9				1,9	1,9		

STT	Chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Thực hiện 2021-2025	Thực hiện năm 2026			So với cùng kỳ	Kế hoạch 2030	Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030	Cơ quan báo cáo
				Kế hoạch 2026	Giá trị thực hiện (tính đến thời điểm báo cáo)	So với kế hoạch				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	- Trung học phổ thông	GV/Lớp	2,25	2				2,25	2,2	
e)	Tỷ lệ học sinh đỗ tốt nghiệp THPT	%	99,8	99,8				99,8	99,9	
12	Y tế									Sở Y tế
	- Số bác sĩ/vận dân	Bác sĩ	9,13	9,2				11	≥ 11	
	- Số dược sĩ đại học trên vận dân	Dược sĩ	2,8	2,9				3,3	3,3	
	- Số điều dưỡng viên trên vận dân	Điều dưỡng	12,98	13,00				15,00	15	
	- Số giường bệnh/vận dân	Giường bệnh	28	28,6				32	≥ 32	
	- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng theo chiều cao	%	11,17	11,07				10,67	10,67	
	- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng theo cân nặng (kết quả của Tỉnh)	%	8,19	8,3				≤ 7,98	≤ 7,98	
	- Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	95	96				100	100	Sở Y tế, Bảo hiểm xã hội tỉnh (phối hợp)

STT	Chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Thực hiện 2021-2025	Thực hiện năm 2026				So với cùng kỳ	Kế hoạch 2030	Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030	Cơ quan báo cáo
				Kế hoạch 2026	Giá trị thực hiện (tính đến thời điểm báo cáo)	So với kế hoạch	So với cùng kỳ				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
13	- Tỷ lệ trạm y tế/phường/thị trấn có bác sĩ làm việc Tỷ lệ hộ dân thành thị sử dụng nước sạch	% %	100 99,80	100 99,85	100 99,85	100 99,85	100 99,85	100 99,85	100	Sở Xây dựng Sở Nông nghiệp và Môi trường	
14	Xây dựng Nông thôn mới Số xã đạt tiêu chí xã nông thôn mới (lũy kế)	xã	249	> 15				82	82		
	Trong đó:										
	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại	xã	*	*				9	9		
	Tình hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026-2030								Hoàn thành		
15	Vẽ văn hóa									Sở Văn hóa, Thể	

STT	Chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Thực hiện 2021-2025	Thực hiện năm 2026			So với cùng kỳ	Kế hoạch 2030	Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030	Cơ quan báo cáo
				Kế hoạch 2026	Giá trị thực hiện (tính đến thời điểm báo cáo)	So với kế hoạch				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
										thao và Du lịch
	Tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa	%	92,0	93,0				97,0	95,5	
16	Về môi trường									Sở Nông nghiệp và Môi trường
	- Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom, xử lý	%	97,15	97,6				>99	>99	Sở Nông nghiệp và Môi trường
	- Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý	%	100	100				100	100	Sở Nông nghiệp và Môi trường
	- Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý	%	100	100				100	100	Sở Y tế
	- Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý	%	82,8	94,2				100	100	Sở Nông nghiệp và Môi trường

STT	Chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Thực hiện 2021-2025	Thực hiện năm 2026				So với cùng kỳ	Kế hoạch 2030	Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030	Cơ quan báo cáo
				Kế hoạch 2026	Giá trị thực hiện (tính đến thời điểm báo cáo)	So với kế hoạch	So với cùng kỳ				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
	- Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh đạt quy chuẩn chuẩn môi trường	%	100	100				100	100	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
IX	XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN, CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH										
1	Cán bộ, công chức cấp xã và cấp tỉnh có trình độ chuyên môn phù hợp với vị trí việc làm	%	100	100				100	100	Sở Nội vụ	
2	Tình gián biên chế									Sở Nội vụ	
	Biên chế hành chính								Giảm 15% so biên chế được giao năm 2026		
	Biên chế viên chức								Giảm 10% so biên chế được giao năm 2026		

STT	Chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Thực hiện 2021-2025	Thực hiện năm 2026				So với cùng kỳ	Kế hoạch 2030	Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030	Cơ quan báo cáo
				Kế hoạch 2026	Giá trị thực hiện (tính đến thời điểm báo cáo)	So với kế hoạch	So với cùng kỳ				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
XI	CHUYỂN ĐỔI SỐ									Sở Khoa học và Công nghệ	
1	Doanh nghiệp vừa và nhỏ ứng dụng công nghệ số	%	62,58	*				≥ 60	≥ 60		
2	Tỷ lệ người dân trưởng thành có chữ ký số	%	5,48	10				70	≥ 70		
3	Tỷ lệ phủ sóng 5G	%	60	*				100	100		
4	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy nhập băng rộng có định với tốc độ trên 1Gbps/s	%	60	*				100	100		
5	Xếp hạng đánh giá mức độ chuyển đổi số cấp tỉnh	Điểm	0,65	*				*	≥ 0,75		
6	Số doanh nghiệp khoa học và công nghệ toàn tỉnh	Doanh nghiệp	30	38				70	≥ 70		
7	Số nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được nghiệm thu hàng năm	Nhiệm vụ	40	40				40	≥ 40		
8	Số lượng đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích) hàng năm	Đơn	20	20				20	Từ 20 trở lên		

STT	Chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Thực hiện 2021-2025	Thực hiện năm 2026				Số với cùng kỳ	Kế hoạch 2030	Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030	Cơ quan báo cáo
				Kế hoạch 2026	Giá trị thực hiện (tính đến thời điểm báo cáo)	Số với kế hoạch	Số với cùng kỳ				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
9	Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII)	Thứ bậc	18	18				16	≤ 18		
10	Số doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tính đến cuối kỳ báo cáo	Doanh nghiệp	24	34				75	75		
XII	AN NINH QUỐC PHÒNG, TRẬT TỰ VÀ AN TOÀN XÃ HỘI									Công an tỉnh	
1	Tỷ lệ tiếp nhận, thụ lý tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố	%							100%		
2	Tỷ lệ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố	%							> 90%		
3	Thu hồi tiền, tài sản trong các vụ án tham nhũng	%							> 65%		

Phụ lục II
TIẾN ĐỘ NHIỆM VỤ CỤ THỂ CÁN TRIỂN KHAI NGAY TRONG NĂM 2026
(Kèm theo Đề cương)

* Đề nghị Sở, ban, ngành tỉnh căn cứ nhiệm vụ UBND tỉnh giao tại Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 và Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026 báo cáo tiến độ và cụ thể sản phẩm đầu ra

STT	NHIỆM VỤ	CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	VĂN BẢN GIAO NHIỆM VỤ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	CẤP PHÊ DUYỆT	TIẾN ĐỘ VÀ SẢN PHẨM
I	Triển khai 05 đột phá chiến lược của tỉnh					
1.	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 08/01/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển công nghiệp tỉnh Đồng Tháp, giai đoạn 2025 - 2030	Sở Công Thương	Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 31/3/2026		UBND tỉnh	Đã hoàn thành (Kế hoạch số 253/KH-UBND ngày 10/3/2026)
2.	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển hạ tầng giao thông tỉnh Đồng Tháp, giai đoạn 2026 - 2030	Sở Xây dựng	Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 31/3/2026	Chậm nhất 30 ngày khi Nghị quyết được phê duyệt	UBND tỉnh	Đang thực hiện
3.	Tiếp tục lãnh đạo công tác cụ thể hoá và tổ chức triển khai thực hiện Đề án xây dựng tỉnh Đồng Tháp trở thành Tỉnh tiên phong, kiểu mẫu về nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 31/3/2026	Chậm nhất 30 ngày khi Đề án được phê duyệt	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Đang thực hiện
4.	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về nâng	Sở Giáo dục và Đào tạo	Quyết định số 1073/QĐ-UBND	Quý II/2026	UBND tỉnh	Đang thực hiện

STT	NHIỆM VỤ	CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	VĂN BẢN GIAO NHIỆM VỤ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	CẤP PHÊ DUYỆT	TIẾN ĐỘ VÀ SẢN PHẨM
	cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Đồng Tháp, giai đoạn 2025 - 2030		ngày 31/3/2026			
5.	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 16/5/2025, Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 17/5/2025 của Chính phủ và Kế hoạch số 12-KH/TU ngày 06/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Tháp về thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân	Sở Tài chính	Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 31/3/2026		UBND tỉnh	Hoàn thành (Tiếp tục triển khai Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 28/01/2026)
II	Nhóm nhiệm vụ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế phấn đấu đạt 8 - 8,5%; phát triển các ngành, lĩnh vực kinh tế theo hướng kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn					
*	Nông nghiệp và Môi trường					
6.	Đề án Phát triển thủy hải sản bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2026 - 2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 31/3/2026	Quý II/2026	UBND tỉnh	Đang thực hiện
7.	Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án "Phát triển bền vững một triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030" tại tỉnh Đồng	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 31/3/2026	Quý II/2026	UBND tỉnh	Đang thực hiện

STT	NHIỆM VỤ	CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	VĂN BẢN GIAO NHIỆM VỤ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	CẤP PHÊ DUYỆT	TIẾN ĐỘ VÀ SẢN PHẨM
	Tháp					
8.	Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Sản xuất giảm phát thải lĩnh vực trồng trọt giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến 2050” trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 31/3/2026		UBND tỉnh	Hoàn thành (Kế hoạch số 255/KH-UBND ngày 10/3/2026)
9.	Kế hoạch thực hiện xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2026 - 2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 31/3/2026	Quý II/2026	UBND tỉnh	Đang thực hiện
10.	Đề án Chuyển đổi mục đích sử dụng đất canh tác lúa kém hiệu quả sang mục đích sử dụng đất khác mang lại giá trị cao hơn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 31/3/2026	Tháng 6/2026	UBND tỉnh	Đang thực hiện
11.	Kế hoạch phát triển cây ăn trái chủ lực tỉnh Đồng Tháp đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 31/3/2026	Tháng 9/2026	UBND tỉnh	Đang thực hiện
12.	Bảo vệ và Phát triển nguồn lợi thủy sản đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 31/3/2026	Tháng 9/2026	UBND tỉnh	Đang thực hiện
13.	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển kinh tế biển tỉnh Đồng Tháp, giai đoạn 2026- 2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 31/3/2026	Chậm nhất 30 ngày khi Kết luận được ký ban hành	UBND Tỉnh	Đang thực hiện
14.	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy về lãnh đạo thực hiện xây	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Quyết định số 1073/QĐ-UBND	Chậm nhất 30 ngày khi Nghị	UBND Tỉnh	Đang thực hiện

STT	NHIỆM VỤ	CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	VĂN BẢN GIAO NHIỆM VỤ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	CẤP PHÊ DUYỆT	TIẾN ĐỘ VÀ SẢN PHẨM
	dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp đến năm 2030		ngày 31/3/2026	quyết được ký ban hành		
15.	Kế hoạch thực hiện “Trung tâm Đầu mối kinh tế lúa gạo tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2026-2030”	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 31/3/2026	Quý I/2026	UBND tỉnh	Đang thực hiện
16.	Kế hoạch thực hiện Trung tâm đầu mối gắn với vùng nguyên liệu cá tra tỉnh Đồng Tháp đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 31/3/2026	Quý I/2026	UBND tỉnh	Đang thực hiện
17.	Nghị quyết của Tỉnh ủy về lãnh đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026			Hoàn thành (.....)
18.	Kế hoạch thực hiện Đề án “Phát triển bền vững một triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 3/2026		Đang thực hiện
19.	Kế hoạch thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 3/2026		Đang thực hiện
20.	Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 174/QĐ-TTg ngày 5/2/2021 phê duyệt đề án thúc đẩy xuất khẩu nông lâm thủy sản đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 5/2026		Đang thực hiện

STT	NHIỆM VỤ	CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	VĂN BẢN GIAO NHIỆM VỤ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	CẤP PHÊ DUYỆT	TIẾN ĐỘ VÀ SẢN PHẨM
21.	Đề án Chuyển đổi mục đích sử dụng đất canh tác lúa kém hiệu quả sang mục đích sử dụng đất khác mang lại giá trị cao hơn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 6/2026		Đang thực hiện
22.	Quy định mức hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 6/2026		Đang thực hiện
23.	Quyết định phê duyệt điều chỉnh Đề án Liên kết khai thác du lịch sinh thái trong rừng phòng hộ giai đoạn năm 2022-2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 6/2026		Đang thực hiện
24.	Đề án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Đồng Tháp đến năm 2045	Ban Quản lý Khu kinh tế	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 3/2026		Đang thực hiện
25.	Quy chế phối hợp quản lý nhà nước đối với khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Ban Quản lý Khu kinh tế	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 6/2026		Đang thực hiện
*	Công nghiệp					
26.	Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 13-CTr/TU ngày 30/12/2025 của Ban thường vụ Tỉnh ủy Đồng Tháp thực hiện Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh	Sở Công Thương	Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 31/3/2026		UBND Tỉnh	Đã hoàn thành Kế hoạch số 193/KH-UBND ngày 23/02/2026

STT	NHIỆM VỤ	CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	VĂN BẢN GIAO NHIỆM VỤ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	CẤP PHÊ DUYỆT	TIẾN ĐỘ VÀ SẢN PHẨM
	năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045					
27.	Kế hoạch Hỗ trợ xây dựng và phát triển nhãn hiệu, bao bì sản phẩm giai đoạn 2026-2030	Sở Công Thương	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026			Đã hoàn thành
28.	Kế hoạch triển khai Nghị quyết về phát triển công nghiệp tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2025 - 2030	Sở Công Thương	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Sau khi nghị quyết được ban hành		Đang thực hiện
*	Thương mại và dịch vụ, du lịch					
29.	Kế hoạch thực hiện hoạt động Hội nhập quốc tế năm 2026	Sở Công Thương	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026			Đã hoàn thành (Kế hoạch số.....)
30.	Kế hoạch xúc tiến thương mại giai đoạn 2026 -2030	Sở Công Thương	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026			Đã hoàn thành (Kế hoạch số.....)
31.	Kế hoạch xúc tiến thương mại năm 2026	Sở Công Thương	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026			Đã hoàn thành (Kế hoạch số.....)
32.	Kế hoạch triển khai Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 11/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Tháp về thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới	Sở Công Thương	Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 31/3/2026		UBND Tỉnh	Hoàn thành (Kế hoạch số 788/KH-UBND ngày 26/12/2025)

STT	NHIỆM VỤ	CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	VĂN BẢN GIAO NHIỆM VỤ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	CẤP PHÊ DUYỆT	TIẾN ĐỘ VÀ SẢN PHẨM
33.	Đề án phát triển kinh tế đêm trên địa bàn Tỉnh Đồng Tháp đến năm 2030 và định hướng đến năm 2050	Sở Công Thương	Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 31/3/2026	Tháng 11/2026	UBND Tỉnh	Đang thực hiện
34.	Đề án thúc đẩy xuất khẩu các sản phẩm chủ lực của tỉnh Đồng Tháp đến năm 2030	Sở Công Thương	Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 31/3/2026	Tháng 11/2026	UBND Tỉnh	Đang thực hiện
35.	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 08/01/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển du lịch tỉnh Đồng Tháp, giai đoạn 2025 – 2030	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 31/3/2026	Sau khi Nghị quyết được ban hành	UBND tỉnh	Đang thực hiện
36.	Kế hoạch xúc tiến du lịch tỉnh Đồng Tháp năm 2026	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 02/2026		Đang thực hiện
37.	Kế hoạch tổ chức Lễ hội sông nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026			Đã hoàn thành
38.	Kế hoạch tổ chức Lễ hội Sen tỉnh Đồng Tháp lần thứ Ba năm 2026	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026			Đã hoàn thành
39.	Kế hoạch tổ chức Lễ hội Vía bà chúa xứ Gò Tháp năm 2026	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026			Đã hoàn thành
40.	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển kinh tế khu vực biên giới tỉnh Đồng Tháp, giai đoạn 2025 - 2030.	Sở Tài chính	Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 31/3/2026	Quý II/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh	Đang thực hiện

STT	NHIỆM VỤ	CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	VĂN BẢN GIAO NHIỆM VỤ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	CẤP PHÊ DUYỆT	TIẾN ĐỘ VÀ SẢN PHẨM
III	Nâng cao hiệu quả huy động và sử dụng nguồn lực đầu tư, đẩy mạnh liên kết vùng, khắc phục điểm nghẽn về hạ tầng giao thông, đô thị đáp ứng yêu cầu phát triển					
41.	Dự án “Chống chịu khí hậu và chuyển đổi tổng hợp vùng đồng bằng sông Cửu Long” (dự án WB11)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 31/3/2026	Năm 2027	Ủy ban nhân dân tỉnh	Quyết định
IV	Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa - xã hội					
*	Đổi mới giáo dục, đào tạo, thực hiện đồng bộ các chính sách văn hóa - xã hội, bảo đảm an sinh và nâng cao chất lượng dịch vụ y tế					
42.	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 31/3/2026		UBND tỉnh	Đã hoàn thành; Kế hoạch số 104/KH-UBND ngày 29/01/2026
43.	Kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2025-2030	Sở Giáo dục và Đào tạo	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 01/2026		Đang thực hiện
44.	Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2025 - 2030	Sở Giáo dục và Đào tạo	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 02/2026		Đang thực hiện
45.	Kế hoạch tổ chức tuyển sinh trung học phổ thông năm học 2026-2027	Sở Giáo dục và Đào tạo	Quyết định số 177/QĐ-UBND	Tháng 3/2026		Đang thực hiện

STT	NHIỆM VỤ	CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	VĂN BẢN GIAO NHIỆM VỤ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	CẤP PHÊ DUYỆT	TIẾN ĐỘ VÀ SẢN PHẨM
	tỉnh Đồng Tháp		ngày 20/01/2026			
46.	Kế hoạch đào tạo nghề phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm 2026 và giai đoạn 2026-2030	Sở Giáo dục và Đào tạo	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 3/2026		Đang thực hiện
47.	Nghị quyết HĐND tỉnh về quy định mức chi chế độ điều dưỡng phục hồi sức khỏe tập trung đối với người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Sở Nội vụ	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 6/2026		Đang thực hiện
48.	Nghị quyết HĐND tỉnh về quy định chi phí quản lý để thực hiện các hoạt động nghiệp vụ về quản lý đối tượng, hồ sơ, quản lý tài chính, kế toán và tổ chức thực hiện chi trả chế độ ưu đãi người có công với cách mạng do ngành Nội vụ quản lý trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Sở Nội vụ	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 6/2026		Đang thực hiện
49.	Nghị quyết HĐND tỉnh về quy định các đối tượng được vay vốn với mức lãi suất thấp hơn ngoài đối tượng được quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 9 Luật Việc làm	Sở Nội vụ	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 5/2026		Đang thực hiện
50.	Nghị quyết HĐND tỉnh về quy định chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, người tham gia Chương trình	Sở Nội vụ	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 5/2026		Đang thực hiện

STT	NHIỆM VỤ	CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	VĂN BẢN GIAO NHIỆM VỤ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	CẤP PHÊ DUYỆT	TIẾN ĐỘ VÀ SẢN PHẨM
	học và thực hành tại doanh nghiệp ở nước ngoài do Ủy ban nhân dân tỉnh ký kết, hợp tác đào tạo trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp					
51.	Quyết định ban hành Danh mục thành phần hồ sơ, tài liệu của các cơ quan, tổ chức thuộc diện nộp lưu vào Lưu trữ lịch sử tỉnh Đồng Tháp	Sở Nội vụ	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 5/2026		Đang thực hiện
52.	Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia về Bình đẳng giới giai đoạn 2026 - 2030	Sở Nội vụ	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 6/2026		Đang thực hiện
53.	Kế hoạch tổ chức các hoạt động kỷ niệm 79 năm ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7/1947-27/7/2026)	Sở Nội vụ	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 6/2026		Đang thực hiện
54.	Kế hoạch thực hiện chi tài trợ công tác an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm 2026 từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Sở Nội vụ	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 3/2026		Hoàn thành (.....)
55.	Kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ về công tác dân số năm 2026 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Sở Y tế	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 3/2026		Đang thực hiện
56.	Quyết định giao chỉ tiêu phát triển số người tham gia BHXH, BHYT năm 2026 cho các xã, phường	Bảo hiểm xã hội tỉnh	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 02/2026		Hoàn thành (.....)
57.	Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách bảo hiểm y tế và phòng chống lạm dụng, trục lợi Quỹ bảo	Bảo hiểm xã hội tỉnh	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 02/2026		Đang thực hiện

STT	NHIỆM VỤ	CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	VĂN BẢN GIAO NHIỆM VỤ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	CẤP PHÊ DUYỆT	TIẾN ĐỘ VÀ SẢN PHẨM
	hiểm y tế					
58.	Quyết định ban hành quy định đơn giá đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đối với loại hình báo in, báo điện tử của Báo Đồng Tháp	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 01/2026		Đang thực hiện
59.	Quyết định quy định mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 01/2026		Đang thực hiện
60.	Kế hoạch bảo quản, tu bổ, tôn tạo phục hồi di tích trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2026 - 2030	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 3/2026		Đang thực hiện
61.	Kế hoạch thông tin đối ngoại năm 2026	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 3/2026		Đang thực hiện
62.	Quy định giá tiêu thụ nước sạch khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Ngày 10/3/2026		Đang thực hiện
63.	Quyết định về chuẩn hộ gia đình thu nhập thấp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2026-2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 3/2026		Đang thực hiện
64.	Kế hoạch về thực hiện Chương trình bố trí dân cư vùng thiên tai giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 5/2026		Đang thực hiện

STT	NHIỆM VỤ	CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	VĂN BẢN GIAO NHIỆM VỤ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	CẤP PHÊ DUYỆT	TIỀN ĐỘ VÀ SẢN PHẨM
*	Khoa học công nghệ, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo					
65.	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 14/01/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển kinh tế số, đổi mới sáng tạo và thúc đẩy hoạt động khoa học công nghệ tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2025 - 2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 31/3/2026		UBND Tỉnh	Hoàn thành (Kế hoạch số 270/KH-UBND ngày 13/3/2026)
66.	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm 2026	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 31/3/2026		UBND Tỉnh	Hoàn thành (Kế hoạch số 50/KH-UBND ngày 16/01/2026)
67.	Kế hoạch thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2026 - 2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 31/3/2026	Tháng 3/2026	UBND tỉnh	Đang thực hiện
68.	Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2026 -2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 31/3/2026	Tháng 4/2026	UBND tỉnh	Đang thực hiện
69.	Kế hoạch thực hiện chương trình phát triển tài sản trí tuệ 2026 – 2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 31/3/2026		UBND tỉnh	Hoàn thành (Kế hoạch 197/KH-UBND ngày 24/02/2026)

STT	NHIỆM VỤ	CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	VĂN BẢN GIAO NHIỆM VỤ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	CẤP PHÊ DUYỆT	TIẾN ĐỘ VÀ SẢN PHẨM
70.	Kế hoạch Phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2026 - 2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 31/3/2026	Tháng 4/2026	UBND tỉnh	Kế hoạch
71.	Kế hoạch triển khai Chương trình thúc đẩy, triển khai, chuyển đổi IPv6 only trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2026 - 2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 31/3/2026	Tháng 5/2026	UBND tỉnh	Đang thực hiện
72.	Kế hoạch phát triển và ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 31/3/2026	Tháng 12/2026	UBND tỉnh	Đang thực hiện
73.	Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 31/3/2026	Tháng 4/2026	HĐND tỉnh	Đang thực hiện
74.	Nghị quyết (đặc thù) của HĐND tỉnh Quy định về chính sách hỗ trợ hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 31/3/2026	Tháng 4/2026	HĐND tỉnh	Đang thực hiện
75.	Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định nội dung và mức chi thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 31/3/2026	Tháng 5/2026	HĐND tỉnh	Đang thực hiện
76.	Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định nội dung và mức chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 31/3/2026	Tháng 5/2026	HĐND tỉnh	Đang thực hiện

STT	NHIỆM VỤ	CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	VĂN BẢN GIAO NHIỆM VỤ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	CẤP PHÊ DUYỆT	TIẾN ĐỘ VÀ SẢN PHẨM
	sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.					
77.	Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định mức chi thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2026-2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 31/3/2026	Tháng 5/2026	HĐND tỉnh	Đang thực hiện
78.	Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành Quy định chính sách hỗ trợ hoạt động sáng tạo của đối tượng không chuyên trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 31/3/2026	Tháng 5/2026	HĐND tỉnh	Đang thực hiện
79.	Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm; dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn; dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo được nhà nước hỗ trợ trực tiếp chi phí đầu tư xây dựng nhà máy, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị máy móc từ nguồn chi đầu tư phát triển từ ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 31/3/2026	Tháng 12/2026	HĐND tỉnh	Đang thực hiện

STT	NHIỆM VỤ	CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	VĂN BẢN GIAO NHIỆM VỤ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	CẤP PHÉ DUYỆT	TIẾN ĐỘ VÀ SẢN PHẨM
80.	Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 31/3/2026	Tháng 12/2026	HĐND tỉnh	Đang thực hiện
81.	Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho doanh nghiệp thực hiện dự án thiết kế chip bán dẫn được hỗ trợ kinh phí đào tạo phát triển nguồn nhân lực, nghiên cứu và phát triển, sản xuất thử nghiệm, mua sắm máy móc, thiết bị, công nghệ và đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 31/3/2026	Tháng 12/2026	HĐND tỉnh	Đang thực hiện
82.	Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho dự án sản xuất sản phẩm phụ trợ trực tiếp trong công nghiệp bán dẫn và dự án sản xuất thiết bị điện tử để sản xuất mẫu thử, mua công nghệ và đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 31/3/2026	Tháng 12/2026	HĐND tỉnh	Đang thực hiện

STT	NHIỆM VỤ	CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	VĂN BẢN GIAO NHIỆM VỤ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	CẤP PHÊ DUYỆT	TIẾN ĐỘ VÀ SẢN PHẨM
83.	Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho phát triển nhân lực công nghiệp công nghệ số làm việc tại các dự án nghiên cứu, sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm, chip bán dẫn, hệ thống trí tuệ nhân tạo trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 31/3/2026	Tháng 12/2026	HĐND tỉnh	Đang thực hiện
84.	Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết về phát triển kinh tế số, đổi mới sáng tạo và thúc đẩy hoạt động khoa học công nghệ tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2025 - 2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 02/2026		Hoàn thành
85.	Kế hoạch Nâng cao Chỉ số Đổi mới sáng tạo của tỉnh Đồng Tháp năm 2026 và những năm tiếp theo	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 3/2026		Hoàn thành
86.	Kế hoạch thực hiện chương trình phát triển tài sản trí tuệ 2026 - 2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 3/2026		Hoàn thành
87.	Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường, hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn 2026 - 2030” trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 3/2026		Đang thực hiện

STT	NHIỆM VỤ	CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	VĂN BẢN GIAO NHIỆM VỤ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	CẤP PHÊ DUYỆT	TIẾN ĐỘ VÀ SẢN PHẨM
88.	Kế hoạch thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2026 - 2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 3/2026		Đang thực hiện
89.	Kế hoạch Triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2026 - 2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 3/2026		Đang thực hiện
90.	Quyết định ban hành "Quy định tiêu chí đăng ký xác lập quyền đối với nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể mang địa danh cho nông sản đặc thù tỉnh Đồng Tháp"	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 5/2026		Đang thực hiện
91.	Kế hoạch hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh năm 2026	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 6/2026		Đang thực hiện
92.	Kế hoạch phát triển năng lực đổi mới sáng tạo trong cơ quan, doanh nghiệp, trường học	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 6/2026		Đang thực hiện
93.	Kế hoạch truyền thông và lan tỏa tinh thần đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp tỉnh Đồng Tháp	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 6/2026		Đang thực hiện
*	Y tế					
94.	Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch số 17-KH/TU ngày 10/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh	Sở Y tế	Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 31/3/2026		UBND tỉnh	Hoàn thành (Quyết định số 3241/QĐ-UBND)

STT	NHIỆM VỤ	CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	VĂN BẢN GIAO NHIỆM VỤ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	CẤP PHÊ DUYỆT	TIẾN ĐỘ VÀ SẢN PHẨM
	ủy thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ Nhân dân					ngày 31/12/2025)
*	Văn hóa					
95.	Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá I về thực hiện Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hoá Việt Nam	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 31/3/2026	Tháng 3/2026	UBND tỉnh	Đang thực hiện
*	An sinh xã hội, lao động, việc làm và giảm nghèo bền vững					
96.	Chương trình việc làm và phát triển thị trường lao động trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2026 - 2030.	Sở Nội vụ	Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 31/3/2026	Tháng 4/2026	UBND tỉnh	Đang thực hiện
97.	Đề án phát triển quan hệ lao động trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2026 - 2030	Sở Nội vụ	Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 31/3/2026	Tháng 4/2026	UBND tỉnh	Đang thực hiện
98.	Chương trình An toàn, vệ sinh lao động giai đoạn 2026 - 2030	Sở Nội vụ	Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 31/3/2026	Tháng 4/2026	UBND tỉnh	Đang thực hiện
99.	Nghị quyết ban hành chính sách hỗ trợ cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (thay thế Nghị quyết 51/2023/NQ)	Sở Nội vụ	Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 31/3/2026	Tháng 4/2026	HĐND tỉnh	Đang thực hiện

STT	NHIỆM VỤ	CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	VĂN BẢN GIAO NHIỆM VỤ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	CẤP PHÊ DUYỆT	TIẾN ĐỘ VÀ SẢN PHẨM
100.	Nghị quyết quy định đối tượng vay vốn giải quyết việc làm, đi làm việc ở nước ngoài với lãi suất thấp hơn đối tượng tại khoản 3, khoản 4, Điều 9 Luật Việc làm	Sở Nội vụ	Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 31/3/2026	Tháng 4/2026	HĐND tỉnh	Đang thực hiện
101.	Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế về quản lý, tổ chức và hoạt động của đội ngũ hòa giải viên lao động trên địa bàn tỉnh	Sở Nội vụ	Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 31/3/2026	Tháng 4/2026	UBND Tỉnh	Đang thực hiện
V	Tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu					
102.	Chương trình quan trắc Môi trường tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2026 - 2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 31/3/2026		UBND tỉnh	Hoàn thành (Chương trình số 181/CTr-UBND ngày 15/02/2026)
103.	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, khai thác nguồn lực đất đai đại tỉnh Đồng Tháp, giai đoạn 2026 - 2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 31/3/2026	Chậm nhất 30 ngày khi Nghị quyết được ký ban hành	UBND tỉnh	Đang thực hiện
104.	Kế hoạch thực hiện chỉ tiêu nước sạch nông thôn theo Nghị quyết phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2025 - 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 31/3/2026	Tháng 12/2026	UBND tỉnh	Đang thực hiện
VI	Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và năng lực kiến tạo					

STT	NHIỆM VỤ	CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	VĂN BẢN GIAO NHIỆM VỤ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	CẤP PHÊ DUYỆT	TIẾN ĐỘ VÀ SẢN PHẨM
105.	phát triển; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính nhằm xây dựng nền hành chính phục vụ Kế hoạch thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh của Tỉnh trong giai đoạn mới	Sở Nội vụ	Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 31/3/2026	Chậm nhất 30 ngày khi Nghị quyết được ký ban hành	UBND tỉnh	Đang thực hiện
106.	Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới	Sở Tư pháp	Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 31/3/2026		UBND tỉnh	Hoàn thành (Kế hoạch số 154/KH-UBND ngày 07/02/2026)
107.	Quyết định công bố danh mục VBQPPL hết hiệu lực thi hành toàn bộ hoặc một phần trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm 2025	Sở Tư pháp	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 01/2026		Hoàn thành (.....)
108.	Kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm 2026	Sở Tư pháp	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 01/2026		Hoàn thành (.....)
109.	Kế hoạch thực hiện công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm 2026	Sở Tư pháp	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 01/2026		Hoàn thành (.....)

STT	NHIỆM VỤ	CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	VĂN BẢN GIAO NHIỆM VỤ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	CẤP PHÊ DUYỆT	TIẾN ĐỘ VÀ SẢN PHẨM
110.	Kế hoạch thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm 2026	Sở Tư pháp	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 01/2026		Hoàn thành (.....)
111.	Kế hoạch thực hiện công tác đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm 2026	Sở Tư pháp	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 01/2026		Hoàn thành (.....)
112.	Kế hoạch thi hành Quyết định số 27/2025/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, đặc khu đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	Sở Tư pháp	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 01/2026		Hoàn thành (.....)
113.	Kế hoạch thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở năm 2026 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Sở Tư pháp	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 01/2026		Hoàn thành (.....)
114.	Củng cố, kiện toàn đội ngũ báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh	Sở Tư pháp	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 01/2026		Hoàn thành (.....)
115.	Kế hoạch thực hiện quản lý Nhà nước về giám định tư pháp năm 2026	Sở Tư pháp	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 01/2026		Hoàn thành (.....)
116.	Kế hoạch kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND tỉnh ban hành trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm 2026	Sở Tư pháp	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 02/2026		Hoàn thành (.....)

STT	NHIỆM VỤ	CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	VĂN BẢN GIAO NHIỆM VỤ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	CẤP PHÊ DUYỆT	TIẾN ĐỘ VÀ SẢN PHẨM
117.	Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật trong các lĩnh vực trọng tâm, liên ngành trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm 2026	Sở Tư pháp	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 02/2026		Hoàn thành (.....)
118.	Kế hoạch hoạt động của Hội đồng phối hợp phổ biến giáo dục pháp luật tỉnh	Sở Tư pháp	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 02/2026		Hoàn thành (.....)
119.	Kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ pháp chế trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm 2026	Sở Tư pháp	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 3/2026		Đang thực hiện
120.	Kế hoạch kiểm tra công tác xây dựng, ban hành, kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật và công tác pháp chế năm 2026 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Sở Tư pháp	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 3/2026		Đang thực hiện
121.	Kế hoạch tập huấn nghiệp vụ thực hiện Nghị định số 80/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ về tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2026	Sở Tư pháp	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 3/2026		Đang thực hiện
122.	Kế hoạch tập huấn nghiệp vụ xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm 2026	Sở Tư pháp	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 3/2026		Đang thực hiện
123.	Kế hoạch kiểm tra công tác quản lý, thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2026	Sở Tư pháp	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 3/2026		Hoàn thành (.....)

STT	NHIỆM VỤ	CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	VĂN BẢN GIAO NHIỆM VỤ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	CẤP PHÊ DUYỆT	TIẾN ĐỘ VÀ SẢN PHẨM
124.	Kế hoạch kiểm tra công tác tổ chức thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm 2026	Sở Tư pháp	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 3/2026		Đang thực hiện
125.	Quy định trình tự, thủ tục đề nghị hỗ trợ chi phí tư vấn và trình tự, thủ tục đề nghị thanh toán chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Sở Tư pháp	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 3/2026		Đang thực hiện
126.	Quyết định ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án “Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân”	Sở Tư pháp	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 3/2026		Đang thực hiện
127.	Quyết định ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án “Tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật giai đoạn 2022 - 2027”	Sở Tư pháp	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 3/2026		Đang thực hiện
128.	Quyết định ban hành Kế hoạch tăng cường thực thi hiệu quả Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị và pháp luật Việt Nam về các quyền dân sự, chính trị trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm 2026	Sở Tư pháp	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 3/2026		Đang thực hiện
129.	Quyết định ban hành Đề án “Nâng cao năng lực đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở giai đoạn 2024 - 2030”	Sở Tư pháp	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 3/2026		Hoàn thành
130.	Kế hoạch thực hiện Đề án “Chuyên đổi số trong công tác phổ biến, giáo	Sở Tư pháp	Quyết định số 177/QĐ-UBND	Tháng 3/2026		(.....)

STT	NHIỆM VỤ	CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	VĂN BẢN GIAO NHIỆM VỤ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	CẤP PHÊ DUYỆT	TIẾN ĐỘ VÀ SẢN PHẨM
	đục pháp luật giai đoạn 2025 - 2030" năm 2026 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp		ngày 20/01/2026			
131.	Kế hoạch triển khai, thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm 2026	Sở Tư pháp	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 3/2026		Hoàn thành (.....)
132.	Kế hoạch kiểm tra công tác lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản năm 2026	Sở Tư pháp	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 4/2026		Đang thực hiện
133.	Kế hoạch công bố thủ tục hành chính nội bộ thực hiện đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Sở Tư pháp	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 4/2026		Đang thực hiện
134.	Kế hoạch tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm 2026	Sở Tư pháp	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 4/2026		Đang thực hiện
135.	Kế hoạch kiểm tra tình hình tổ chức, hoạt động và quản lý giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm 2026	Sở Tư pháp	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 4/2026		Đang thực hiện
136.	Kế hoạch bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ về công tác bồi thường nhà nước năm 2026	Sở Tư pháp	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 5/2026		Đang thực hiện
137.	Kế hoạch bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giám định tư pháp năm 2026	Sở Tư pháp	Quyết định số 177/QĐ-UBND	Tháng 5/2026		Đang thực hiện

STT	NHIỆM VỤ	CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	VĂN BẢN GIAO NHIỆM VỤ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	CẤP PHÊ DUYỆT	TIẾN ĐỘ VÀ SẢN PHẨM
			ngày 20/01/2026			
138.	Kế hoạch quy định công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Sở Tư pháp	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 5/2026		Đang thực hiện
139.	Quyết định phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 6/2026		Đang thực hiện
140.	Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp đến năm 2030	Thanh tra	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 01/2026		Hoàn thành (.....)
141.	Quyết định ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2026 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Sở Tài chính	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 02/2026		Đang thực hiện
142.	Kế hoạch tập huấn công tác cải cách hành chính của tỉnh Đồng Tháp năm 2026	Sở Nội vụ	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 4/2026		Đang thực hiện
143.	Kế hoạch khảo sát đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm 2026 (SIPAS 2026)	Sở Nội vụ	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 4/2026		Đang thực hiện
144.	Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết về cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh	Sở Nội vụ	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Trình sau khi Tỉnh ủy ban hành NQ		Đang thực hiện

STT	NHIỆM VỤ	CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	VĂN BẢN GIAO NHIỆM VỤ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	CẤP PHÊ DUYỆT	TIẾN ĐỘ VÀ SẢN PHẨM
	Đồng Tháp giai đoạn 2026 - 2030					
145.	Kế hoạch Phát động phong trào thi đua “Đẩy mạnh Cải cách hành chính” năm 2026	Sở Nội vụ	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 3/2026		Đang thực hiện
146.	Kế hoạch Kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2026	Sở Nội vụ	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 5/2026		Đang thực hiện
VII	Sắp xếp, kiện toàn bộ máy hành chính tinh gọn; phân cấp, phân quyền gắn trách nhiệm giải trình; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính					
147.	Kế hoạch phát động phong trào thi đua năm 2026	Sở Nội vụ	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 01/2026		Hoàn thành (.....)
148.	Chỉ thị về công tác thi đua, khen thưởng giai đoạn 2026 - 2030	Sở Nội vụ	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 01/2026		Hoàn thành (.....)
149.	Kế hoạch tuyên truyền và nhân rộng điển hình tiên tiến giai đoạn 2026 - 2030	Sở Nội vụ	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 02/2026		Hoàn thành (.....)
150.	Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển thanh niên Đồng Tháp năm 2026	Sở Nội vụ	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 02/2026		Hoàn thành (.....)
151.	Kế hoạch Kiểm tra Công vụ và kỷ luật, kỷ cương hành chính năm 2026	Sở Nội vụ	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 3/2026		Hoàn thành (.....)

STT	NHIỆM VỤ	CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	VĂN BẢN GIAO NHIỆM VỤ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	CẤP PHÊ DUYỆT	TIẾN ĐỘ VÀ SẢN PHẨM
152.	Quy định mức hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở cho người có công và thân nhân người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Sở Nội vụ	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 3/2026		Đang thực hiện
153.	Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý và sử dụng kinh phí chi thường xuyên thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Sở Nội vụ	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 3/2026		Đang thực hiện
154.	Quyết định Ban hành quy chế quản lý hòa giải viên lao động và phân cấp quản lý hòa giải viên lao động trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Sở Nội vụ	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 4/2026		Đang thực hiện
155.	Quyết định ban hành Chương trình việc làm và phát triển thị trường lao động tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2026-2030	Sở Nội vụ	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 4/2026		Đang thực hiện
156.	Quy định trình tự, thủ tục thẩm định, công nhận kết quả thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Trước ngày 10/01/2026		Đang thực hiện
157.	Chương trình quan trắc môi trường tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2026-2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 02/2026		Hoàn thành (.....)

STT	NHIỆM VỤ	CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	VĂN BẢN GIAO NHIỆM VỤ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	CẤP PHÊ DUYỆT	TIẾN ĐỘ VÀ SẢN PHẨM
158.	Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết về công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, khai thác nguồn lực đất đai tỉnh Đồng Tháp, giai đoạn 2025 - 2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 02/2026		Đang thực hiện
159.	Quyết định công bố hiện trạng rừng tỉnh Đồng Tháp năm 2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 02/2026		Hoàn thành (.....)
160.	Kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất các khu đất năm 2026 do Trung tâm Phát triển quỹ đất trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 02/2026		Hoàn thành (.....)
161.	Nghị quyết Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng ký giao dịch bảo đảm; phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 02/2026		Đang thực hiện
162.	Chỉ thị tăng cường công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm 2026	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 3/2026		Hoàn thành (.....)
163.	Ban hành Kế hoạch quản lý, khai thác nhà, đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 3/2026		Đang thực hiện
164.	Nghị quyết Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 5/2026		Đang thực hiện

STT	NHIỆM VỤ	CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	VĂN BẢN GIAO NHIỆM VỤ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	CẤP PHÊ DUYỆT	TIẾN ĐỘ VÀ SẢN PHẨM
	nhận quyền sử dụng đất; phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp					
165.	Ban hành định mức giá đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 6/2026		Đang thực hiện
166.	Ban hành nội dung chi, mức chi và việc quản lý, sử dụng Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Đồng Tháp	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 6/2026		Đang thực hiện
167.	Ban hành quy định tiêu chí bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai trong quản lý, sử dụng công trình, nhà ở của hộ gia đình, cá nhân và quy định về bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành, sử dụng công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 6/2026		Đang thực hiện
168.	Kế hoạch triển khai công tác đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm 2026	Sở Y tế	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Trước ngày 20/01/2026		Hoàn thành (.....)
169.	Kế hoạch triển khai công tác đảm bảo an toàn thực phẩm Tết Nguyên Đán và mùa Lễ hội Xuân trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm 2026	Sở Y tế	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Trước ngày 27/01/2026		Hoàn thành (.....)
170.						
VIII	Đảm bảo vững chắc quốc phòng - an ninh, mở rộng quan hệ đối					

STT	NHIỆM VỤ	CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	VĂN BẢN GIAO NHIỆM VỤ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	CẤP PHÊ DUYỆT	TIẾN ĐỘ VÀ SẢN PHẨM
	ngoại					
171.	Phòng không nhân dân, quản lý tàu bay không người lái và phương tiện bay khác trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2030	Bộ CHQS tỉnh	Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 31/3/2026		HĐND tỉnh	Hoàn thành Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 01/01/2026
172.	Tổ chức lực lượng, huấn luyện và hoạt động và đảm bảo chế độ chính sách cho DQTV giai đoạn 2026 - 2030	Bộ CHQS tỉnh	Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 31/3/2026		HĐND tỉnh	Hoàn thành Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 01/01/2026
173.	Tổ chức lực lượng, huấn luyện và hoạt động QB-TS giai đoạn 2026 - 2030	Bộ CHQS tỉnh	Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 31/3/2026	Tháng 12/2025	UBND tỉnh	Đề án
174.	Lãnh đạo nhiệm vụ quốc phòng và an ninh giai đoạn 2025 - 2030	Đảng ủy QS tỉnh	Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 31/3/2026		Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Hoàn thành Chỉ thị số 05-CT/TU ngày 25/02/2026
175.	Phòng thủ dân sự giai đoạn 2026 - 2030	Bộ CHQS tỉnh	Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 31/3/2026		UBND tỉnh	Hoàn thành Kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 09/01/2026
176.	Kế hoạch công tác bảo vệ bí mật nhà nước năm 2026	Công an tỉnh	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 01/2026		Đang thực hiện
177.	Kế hoạch bảo đảm an ninh, an toàn thông tin mạng năm 2026	Công an tỉnh	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 01/2026		Hoàn thành (.....)

STT	NHIỆM VỤ	CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	VĂN BẢN GIAO NHIỆM VỤ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	CẤP PHÊ DUYỆT	TIẾN ĐỘ VÀ SẢN PHẨM
178.	Kế hoạch nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xây dựng phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc trên địa bàn tỉnh năm 2026	Công an tỉnh	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 01/2026		Hoàn thành (.....)
179.	Kế hoạch phát động phong trào thi đua bảo vệ an ninh Tổ quốc trên địa bàn tỉnh năm 2026	Công an tỉnh	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 01/2026		Hoàn thành (.....)
180.	Kế hoạch xây dựng xã, phường, cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục điển hình về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc	Công an tỉnh	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 01/2026		Hoàn thành (.....)
181.	Kế hoạch xây dựng, củng cố thể trận an ninh nhân dân kết hợp chặt chẽ với thể trận quốc phòng toàn dân vững chắc năm 2026	Công an tỉnh	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 01/2026		Hoàn thành (.....)
182.	Kế hoạch nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác dân vận và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc của lực lượng Công an nhân dân đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới năm 2026	Công an tỉnh	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 01/2026		Hoàn thành (.....)
183.	Kế hoạch xây dựng Công an phường thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới năm 2026	Công an tỉnh	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 01/2026		Đang thực hiện
184.	Kế hoạch phòng, chống hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia của các	Công an tỉnh	Quyết định số 177/QĐ-UBND	Tháng 01/2026		Hoàn thành (.....)

STT	NHIỆM VỤ	CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	VĂN BẢN GIAO NHIỆM VỤ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	CẤP PHÊ DUYỆT	TIẾN ĐỘ VÀ SẢN PHẨM
	tổ chức phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030		ngày 20/01/2026			
185.	Kế hoạch thực hiện công tác bảo vệ và đấu tranh về nhân quyền năm 2026	Công an tỉnh	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 01/2026		Hoàn thành (.....)
186.	Kế hoạch phòng, chống tội phạm, mua bán người và phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trên địa bàn tỉnh năm 2026	Công an tỉnh	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 01/2026		Hoàn thành (.....)
187.	Kế hoạch công tác của Ban Chỉ đạo phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tỉnh Đồng Tháp năm 2026	Công an tỉnh	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 01/2026		Hoàn thành (.....)
188.	Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 156/QĐ-TTg ngày 05/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Hiện đại hóa cơ sở vật chất của lực lượng Công an nhân dân đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Công an tỉnh	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 01/2026		Hoàn thành (.....)
189.	Công văn tiếp tục triển khai thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành	Công an tỉnh	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 01/2026		Hoàn thành (.....)
190.	Kế hoạch tập huấn công tác an ninh, an toàn thông tin mạng năm 2026	Công an tỉnh	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 02/2026		Hoàn thành (.....)

STT	NHIỆM VỤ	CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	VĂN BẢN GIAO NHIỆM VỤ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	CẤP PHÉ DUYỆT	TIẾN ĐỘ VÀ SẢN PHẨM
191.	Kế hoạch thực hiện Đề án “Nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật gắn với vận động quần chúng nhân dân chấp hành pháp luật tại cơ sở của lực lượng Công an nhân dân giai đoạn 2021-2027” năm 2026 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Công an tỉnh	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 02/2026		Hoàn thành (.....)
192.	Kế hoạch tăng cường giải pháp phòng ngừa, đấu tranh tội phạm sử dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030	Công an tỉnh	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 02/2026		Đang thực hiện
193.	Quyết định ban hành Quy chế phối hợp quản lý người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú và hoạt động trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Công an tỉnh	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 02/2026		Đang thực hiện
194.	Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025 tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm 2026	Công an tỉnh	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 3/2026		Hoàn thành (.....)
195.	Kế hoạch tăng cường các giải pháp phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm giết người, cố ý gây thương tích và tội phạm vi phạm pháp luật trong thanh thiếu niên trên địa bàn tỉnh	Công an tỉnh	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 3/2026		Đang thực hiện

STT	NHIỆM VỤ	CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	VĂN BẢN GIAO NHIỆM VỤ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	CẤP PHÊ DUYỆT	TIẾN ĐỘ VÀ SẢN PHẨM
	Đồng Tháp giai đoạn 2026 - 2030					
196.	Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Công an tỉnh	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 4/2026		Đang thực hiện
197.	Kế hoạch bảo đảm an ninh, trật tự Hệ thống Truyền tải điện 500kV trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Công an tỉnh	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 5/2026		Đang thực hiện
198.	Quyết định về việc thành lập Ban Chỉ đạo diễn tập tỉnh năm 2026	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 01/2026		Đang thực hiện
199.	Quyết định danh sách công dân nhập ngũ, tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ thực hiện nghĩa vụ quân sự và nghĩa vụ tham gia công an nhân dân năm 2026 của các xã, phường đúng theo luật định	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 01/2026		Hoàn thành (.....)
200.	Quyết định về việc giao chỉ tiêu tập huấn, bồi dưỡng và huấn luyện dân quân tự vệ năm 2026	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 01/2026		Hoàn thành (.....)
201.	Quyết định phê duyệt quy chế hoạt động phối hợp giữa Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sư đoàn BB8, Lữ đoàn 26, Trại giam Phước Hòa, Trại giam Mỹ Phước, Trại giam Cao Lãnh tỉnh Đồng Tháp năm 2026	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 01/2026		Hoàn thành (.....)

STT	NHIỆM VỤ	CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	VĂN BẢN GIAO NHIỆM VỤ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	CẤP PHÊ DUYỆT	TIẾN ĐỘ VÀ SẢN PHẨM
202.	Chỉ thị thực hiện công tác tuyên sinh quân sự năm 2026 trên địa bàn tỉnh	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 02/2026		Đang thực hiện
203.	Chỉ thị công tác Phòng không nhân dân trên địa bàn tỉnh năm 2026	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 02/2026		Đang thực hiện
204.	Kế hoạch công tác Phòng không nhân dân và hoạt động của Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Phòng không nhân dân năm 2026	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 02/2026		Đang thực hiện
205.	Quyết định đào tạo sĩ quan dự bị từ nguồn hạ sĩ quan chuẩn bị xuất ngũ năm 2026	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 02/2026		Hoàn thành (.....)
206.	Quyết định đào tạo sĩ quan dự bị từ nguồn hạ sĩ quan từ nguồn cán bộ công chức, bác sĩ động viên ngành y năm 2026	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 02/2026		Hoàn thành (.....)
207.	Kế hoạch thực hiện Đề án “Phát huy vai trò của lực lượng Quân đội nhân dân tham gia công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, vận động Nhân dân chấp hành pháp luật tại cơ sở giai đoạn 2022 - 2027” năm 2026	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Năm 2026		Hoàn thành (.....)
208.	Chương trình công tác của Ban Chỉ đạo khu vực phòng thủ tỉnh Đồng Tháp năm 2026	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 4/2026		Đang thực hiện



STT	NHIỆM VỤ	CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	VĂN BẢN GIAO NHIỆM VỤ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	CẤP PHÊ DUYỆT	TIẾN ĐỘ VÀ SẢN PHẨM
209.	Quyết định kiện toàn Ban Chỉ đạo khu vực phòng thủ tỉnh	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 4/2026		Đang thực hiện
210.	Lễ truy điệu, an táng hài cốt liệt sĩ quân tình nguyện và chuyên gia Việt Nam hy sinh qua các thời kỳ chiến tranh ở Campuchia và trong nước năm 2026	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Tháng 6/2026		Đang thực hiện

Phụ lục III
TỔNG HỢP KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC DO QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT
(Kèm theo Đề cương)

TT	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT	QUY ĐỊNH	NỘI DUNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC	ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ
I	Về thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội			
1	Luật .../Nghị định số.../Thông tư số ...			
1.1	Vướng mắc về ...	Điều, khoản, điểm	Khó khăn, vướng mắc mà cơ quản lý nhà nước tại địa phương, doanh nghiệp, người dân gặp phải khi thực hiện quy định	Đề xuất sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, ban hành mới hoặc hướng dẫn thực hiện
1.2	Vướng mắc về ...	Điều, khoản, điểm		
II	Về phát triển kinh tế tư nhân			
1	Luật .../Nghị định số.../Thông tư số ...			
1.1	Vướng mắc về ...	Điều, khoản, điểm		
III	Về đổi mới phương thức quản lý nhà nước trong lĩnh vực kinh tế, tài chính khi thực hiện tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp			
1	Luật .../Nghị định số.../Thông tư số ...			
1.1	Vướng mắc về ...	Điều, khoản, điểm		